

KINH 708. THỌ¹⁰⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có thiện gia nam tử, xả bỏ công việc đời, xuất gia học đạo; cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, chánh tín sống không nhà, xuất gia học đạo. Trong số xuất gia như vậy, có người ngu si, nương vào nơi xóm làng, thành ấp; sáng đắp y mang bát vào thôn khất thực, nhưng vì không khéo giữ thân, không giữ gìn cửa các căn, không nhiếp thu các niêm minh, nên khi nhìn thấy những thiếu nữ trang điểm xinh đẹp, sanh tâm đắm nhiễm, không chánh tư duy, tâm chạy theo nấm bốc sắc tướng, tưởng đến sắc dục, làm cho tâm dục hừng hực, thiêu đốt tâm, thiêu đốt thân, trả lại giới, trở về thế gian, tự thụt lùi chìm đắm. Trong khi đã yểm ly việc đời, xuất gia học đạo rồi mà còn nhiễm đắm trở lại, làm tăng thêm các tội nghiệp để tự phá hoại, che lấp, chìm đắm.

“Có năm loại cây lớn, hạt mầm của nó rất nhỏ, nhưng cây lớn lên thì to lớn, bóng cây có thể che tối các loại cây tạp nhỏ, khiến âm u héo úa, không sanh trưởng được. Những gì là năm? Đó là cây kiền-giá-da¹⁰⁶, cây Ca-tỳ-đa-la¹⁰⁷, cây A-thấp-ba-tha¹⁰⁸, cây Ưu-đàm-bát-la¹⁰⁹, cây Ni-câu-lưu-tha¹¹⁰. Như vậy, năm loại cây đại thụ¹¹¹ này, tuy mầm của nó rất nhỏ, nhưng từ từ phát triển lớn lên, bóng của nó che khuất các cây nhỏ, có thể khiến cho tất cả bị che khuất rũ xuống. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, dần dần tăng trưởng; là sân nhuế¹¹², thùy miên, trạo hối, nghi cái, dần dần tăng trưởng. Vì tăng trưởng, nên khiến

¹⁰⁵. Gốc cây. Pāli, S.46.39 Rukkha.

¹⁰⁶. Kiền-giá-da 捷遮耶 . Pāli: kacchaka.

¹⁰⁷. Ca-tỳ-đa-la 迦揵多羅 . Pāli: kapithaka.

¹⁰⁸. A-thấp-ba-tha 阿濕波他 . Pāli: assattha.

¹⁰⁹. Ưu-đàm-bát-la 優曇鉢羅 . Pāli: udumbara.

¹¹⁰. Ni-câu-lưu-tha 尼拘留他 . Pāli: nigrodha.

¹¹¹. Nguyên Hán: tâm thụ 心樹, có thể nhầm. Pāli: mahārukha, cây đại thụ.

¹¹². Trong để bắn thiếu sân nhuế. Thêm vào cho đủ.

cho thiện tâm bị che khuất rũ xuống. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái. Những gì là bảy? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Tu tập bảy Giác chi như vậy, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái chuyển.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 709. THẤT GIÁC CHI¹¹³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

“Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãn túc.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 710. THÍNH PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Bảy pháp này

¹¹³. Pāli, S.46.23 Thāna.

được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, thì trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỳ-kheo lìa tham dục, thì tâm giải thoát; lìa vô minh, thì tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo đó đã lìa tham dục, thì tự thân tác chứng tâm giải thoát; lìa vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết, mạn, chứng đắc hiện quán¹¹⁴, cứu cánh biên tế khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 711. VÔ ÚY (1)¹¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Bấy giờ có vương tử Vô Úy¹¹⁶ thường ngày đi bộ, thong thả dạo chơi, đi đến chỗ Đức Phật; sau khi diện kiến chào hỏi Thế Tôn xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: ‘Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên’¹¹⁷. Còn Thế Tôn thì thế nào?”

Phật bảo Vô Úy:

“Vì các Sa-môn, Bà-la-môn nói những điều mà họ không suy nghĩ, ngu si, không phân biệt, không khéo léo, chẳng biết suy nghĩ, chẳng biết suy lường nên nói: ‘Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên.’ như vậy. Vì sao? Vì chúng sanh phiền não có nhân, có duyên và chúng sanh thanh tịnh, có nhân, có duyên.

“Chúng sanh phiền não có nhân gì, duyên gì? Chúng sanh thanh

¹¹⁴. Đẳng vô gián 等 無 瞇: bản Minh: vô minh. Xem cht.8 kinh 259.

¹¹⁵. Pāli, S.46.56 Abhaya.

¹¹⁶. Vô Úy vương tử 無 畏 王 子: Pāli: Abhaya rājakumāra.

¹¹⁷. Bản Pāli: thuyết của Puraṇa kassapa. Trong Trường bộ, đây là thuyết Luân hồi tịnh hóa của Makkhali Gosāla; xem D.ii. Sāmaññaphala-sutta.

tịnh có nhân gì, duyên gì? Vì tham dục chúng sanh tăng thượng nên đối với của cải, đồ vật của người khác khởi lên lòng tham nói rằng: ‘Vật này là sở hữu của tôi thì tốt.’ Nó yêu thích không muốn xa lìa. Đối với chúng sanh khác khởi lên lòng sân hận, hung ác, toan tính, muốn đánh, muốn trói, chèn ép, gia tăng những việc trái đạo, tạo ra các nạn, không từ bỏ sân khuế. Thân ham ngủ nghỉ, tâm lại lười biếng, tâm luôn dao động; bên trong không tịch tĩnh, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại. Nay Vô Úy, vì những nhân như vậy, những duyên như vậy, nên chúng sanh phiền não. Vì những nhân như vậy, những duyên như vậy nên chúng sanh thanh tịnh.”¹¹⁸

Vô Úy bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, một phần triền cái đã đủ là phiền não tâm, huống chi là tất cả!”

Vô Úy lại bạch Phật:

“Bạch Cù-dàm, chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, có duyên gì?”

Phật bảo Vô Úy:

“Nếu Bà-la-môn nào có một niêm thù thắng, quyết định thành tựu; những việc đã làm từ lâu, những lời nói từ lâu, có thể tùy theo nhớ nghĩ, ngay lúc ấy tu tập Niệm giác chi. Khi Niệm giác chi đã tu tập rồi, thì niệm giác đầy đủ. Khi niệm giác đã đầy đủ rồi, thì có sự lựa chọn, phân biệt, tư duy, lúc bấy giờ tu tập Trạch pháp giác chi. Khi đã tu tập Trạch pháp giác chi rồi, thì trạch pháp giác đầy đủ. Khi đã lựa chọn, phân biệt, suy lường pháp rồi, thì sẽ nỗ lực tinh tấn; ở đây, tu tập Tinh tấn giác chi. Khi đã tu tập Tinh tấn giác chi rồi, thì tinh tấn giác đầy đủ. Khi đã nỗ lực tinh tấn rồi, thì hoan hỷ sẽ sanh, xa lìa các tưởng về thức ăn, tu hỷ giác chi. Khi đã tu Hỷ giác chi rồi, thì hỷ giác đầy đủ. Khi Hỷ giác chi đã đầy đủ rồi, thì thân và tâm khinh an¹¹⁹; lúc ấy tu Khinh an giác chi. Khi đã tu Khinh an giác chi rồi, thì khinh an giác sẽ đầy đủ. Khi thân đã khinh an rồi, thì sẽ được an lạc và khi đã an lạc rồi thì tâm sẽ định; khi ấy tu Định giác chi. Khi đã tu Định giác chi rồi, thì định giác sẽ đầy đủ, Khi định giác chi đã đầy đủ rồi, thì tham ái sẽ bị diệt

¹¹⁸. Ẩn Thuận, câu này dư, cắt bỏ.

¹¹⁹. Nguyên Hán: ý tức 猶 息.

và tâm xả sanh ra; khi ấy tu Xả giác chi. Khi đã tu Xả giác chi rồi, thì xả giác sẽ đầy đủ. Như vậy, này Vô Úy, vì nhân này, duyên này mà chúng sanh thanh tịnh."

Vô Úy bạch Cù-đàm:

"Nếu một phần (*trong bảy Giác chi này*) đầy đủ, thì cũng khiến cho chúng sanh thanh tịnh, huống chi là tất cả."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, kinh này tên gì và phải phụng trì như thế nào?"

Phật bảo vương tử Vô Úy:

"Nên gọi đây là kinh Giác Chi."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, đây là giác phần tối thắng. Bạch Cù-đàm, con là Vương tử, đã an lạc, mà vẫn thường cầu an lạc, nhưng ít khi ra vào. Nay lên trên núi, từ chi tuy mỏi mệt, nhưng được nghe Cù-đàm nói kinh Giác Chi nên quên tất cả sự mệt nhọc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, vương tử Vô Úy nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lạy dưới chân Phật rồi lui.



TẠP A HÀM QUYỂN 27

KINH 712. VÔ ÚY (2)¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong hang núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có nhân, không có duyên cho sự vô trí, vô kiến, của chúng sanh. Không nhân, không duyên cho trí kiến của chúng sanh².’ Như đã nói đầy đủ... cho đến vương tử Vô Úy, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi lui.

**
*

KINH 713. CHUYỀN THÚ³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Hôm nay còn quá sớm, chưa đến giờ đi khất thực. Chúng ta hãy ghé qua tịnh xá các ngoại đạo.’ Số đông các Tỳ-kheo này liền vào tịnh xá ngoại đạo, cùng các ngoại đạo chào hỏi nhau. Sau khi chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên.

Các ngoại đạo hỏi Tỳ-kheo rằng:

“Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp đoạn trừ năm cái, chúng che lấp tâm làm cho tuệ lực suy kém, là phần chướng ngại, không chuyển hướng Niết-bàn. An trụ bốn Niệm xứ, tu bảy Giác ý. Chúng

¹. Đại Chánh quyển 27. Phật Quang quyển 27. Quốc Dịch quyển 24. Pāli, S.46.56 Abhyā.

². Bản Pāli, quan điểm của Purāṇa Kassapa: natthi hetu natthi paccayo aññāya adassanāya ahetu apaccayo aññānam adassanam hoti, không có nhân, không duyên cho sự vô trí và vô kiến; vì vậy, vô trí, vô kiến là vô nhân vô duyên. Xem thuyết vô tác (akiriya), D.ii. Smāññaphala-sutta.

³. Pāli, S.46.52 Pariyāya.

tôi cũng vậy, vì các đệ tử nói đoạn năm cái vốn che lấp tâm làm cho tuệ lực suy giảm và khéo an trụ bốn Niệm xứ, tu bảy Giác phẫn. Chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm có gì là khác nhau, đều có thể nói pháp?"

Khi các Tỳ-kheo nghe những điều ngoại đạo nói, trong lòng không vui, bèn chỉ trích ngược lại⁴; rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về tịnh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui sang một bên, đem những lời nói của ngoại đạo bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc ngoại đạo kia nói như vậy, các ông nên hỏi ngược lại rằng: 'Năm cái của ngoại đạo, chủng loại lý ưng là mười. Bảy Giác chi, đáng ra phải là mươi bốn.' Mười của năm cái là những gì? Mười bốn của bảy giác là những gì? Nếu hỏi như vậy, những ngoại đạo kia sẽ tự giật mình tán loạn. Theo pháp của ngoại đạo⁵, tâm sanh sân nhuế, kiêu mạn, chê bai, hiềm hận, không nhẫn thọ, hoặc im lặng cúi đầu, không thể biện luận, âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn ở đây nghe mà thôi⁶.

"Này các Tỳ-kheo, mươi của năm cái là những gì? Đó là có tham dục bên trong, tham dục bên ngoài. Tham dục bên trong kia là triền cái, là chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Tham dục bên ngoài kia là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn.

"Sân nhuế có tướng sân nhuế. Nếu sân nhuế cùng với tướng sân

⁴. Hán: phản a mạ 反罵. Bản Pāli: neva abhinandim̄su nappaṭikkosim̄su, không hoan hỷ cũng không chỉ trích.

⁵. Hán: thuyết ngoại đạo pháp 說外道法. Tống-Nguyễn-Minh: dư chữ *thuyết*. Xem đoạn văn tương đương ở kinh 714.

⁶. Bản Pāli: nāham... yo imesam pañhānam veyyākaraṇena cittam ārādheyya aññatra tathāgatena vā tathāgatasāvakena vā ito vā sutvā, Ta... không ai có thể làm hài lòng với sự trả lời cho những câu hỏi này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai đã nghe từ đây.

nhuế⁷, tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển đến Niết-bàn. Có thùy, có miên⁸; thùy này, miên này tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có trạo cử, có hối tiếc; trạo cử này, hối tiếc này tức là cái⁹, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có nghi pháp thiện, có nghi pháp bất thiện¹⁰; nghi pháp thiện này, nghi pháp bất thiện này tức là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là năm cái nói mười.

“Bảy Giác phần nói là mười bốn là những gì? Có tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên trong¹¹, có tâm an trú chánh niệm nói pháp bên ngoài. Niệm trụ pháp bên trong này chỉ cho Niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng đến Niết-bàn; niệm trụ pháp bên ngoài này cũng chỉ cho Niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng hướng đến Niết-bàn. Có tuyển trạch pháp thiện, tuyển trạch pháp chẳng thiện¹². Tuyển trạch pháp thiện kia là chỉ cho Trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tuyển trạch pháp chẳng thiện kia cũng chỉ cho Trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có tinh tấn để đoạn pháp bất thiện, có tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện¹³. Tinh tấn để đoạn trừ pháp bất thiện kia là chỉ cho Tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện kia cũng chỉ cho Tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể

⁷. Bản Pāli: ajjhattam vyāpādo, bahiddhā vyāpādo, nội sân, ngoại sân.

⁸. Hữu thụy, hữu miên. Bản Pāli: thinam nivaranam, middham nivaranam, hôn trầm là triền cái; thụy miên là triền cái.

⁹. Trạo (điệu) hối 悔. Pāli: uddhacca-kukkucca, bồn chồn và hối tiếc.

¹⁰. Bản Pāli: ajjhattam dhammesu vicikicchā, bahiddhā dhammesu vicikicchā, hoài nghi các pháp bên trong, hoài nghi các pháp bên ngoài.

¹¹. Bản Pāli: yadapi... ajjhattam dhammesu sati tadapi satibojjhango, có chánh niệm nơi các pháp bên trong, đó là niệm giác chi.

¹². Bản Pāli: ajjhattam dhammesu paññāya pavicinati pavicarati... bahidhā dhammesu..., bằng trí tuệ mà khảo sát (tư trạch) và khảo nghiệm (tư sát) các pháp bên trong... các pháp bên ngoài.

¹³. Bản Pāli: kāyikam vīriyam...cetasikam vīriyam, thân tinh tấn, tâm tinh tấn.

chuyển đến Niết-bàn. Có hỷ, có hỷ xứ¹⁴. Hỷ này là Hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Hỷ xứ này cũng là Hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có thân khinh an, có tâm khinh an¹⁵. Thân khinh an này là Khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tâm khinh an này cũng là Khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có định, có tướng định¹⁶. Định này chỉ cho Định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tướng định này cũng chỉ cho Định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có xả pháp thiện, có xả pháp bất thiện¹⁷. Xả pháp thiện này chỉ cho Xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; xả pháp bất thiện này cũng chỉ cho Xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Đó gọi là bảy Giác phần nói là mười bốn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 714. HỎA¹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Có các xuất gia ngoại đạo nói như vậy, nên hỏi lại rằng: ‘Nếu tâm yếu kém, còn do dự, bấy giờ nên tu những giác phần nào? Những

^{14.} Bản Pāli: savitakkavicārā pīṭī...avitakkāvicarā pīṭī, hỷ đồng hành với tầm tú, hỷ không đồng hành với tầm tú.

^{15.} Nguyên Hán: thân ý túc, tâm y túc 身 翹 息，心 翹 息. Pāli: kāyapassaddhi, cittapassaddhi.

^{16.} Bản Pāli: savitakko savicāro samādhi, avitakko avicāro samādhi, định có tầm có tú, định không tầm không tú.

^{17.} Bản Pāli: aijhattam dhammesu upekkhā, bahidhā dhammesu upekkhā, xả nơi các pháp bên trong, xả nơi các pháp bên ngoài.

^{18.} Pāli, S.46.53 Aggi.

gì tu không đúng lúc¹⁹? Nếu lại tâm điệu cử²⁰; với tâm điệu cử, do dự ấy, bấy giờ nên tu những giác phần nào? Và những gì là không đúng lúc? Nếu hỏi như vậy, các ngoại đạo kia tâm sẽ giật mình, phân tán, nói lảng sang những pháp khác; tâm sanh phần nhuế, kiêu mạn, hủy báng, hiềm hận không nhẫn thọ; hoặc im lặng, cúi đầu, không thể biện luận âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn ở đây nghe mà thôi²¹.

“Này các Tỳ-kheo, nếu lúc tâm yếu kém, tâm do dự, thì không nên tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Vì sao? Khi tâm yếu kém phát sanh, vì yếu kém, do dự, các pháp này càng làm tăng thêm yếu kém. Thí như một đóm lửa mà muốn cháy mạnh lên, lại bỏ than tro²² vào. Thế nào, này Tỳ-kheo, chẳng phải vì thêm tro vào khiến cho lửa tắt chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, yếu đuối, do dự, nếu tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần, thì đây không phải thời, vì tăng thêm lười biếng thôi.

“Hoặc khi tâm điệu cử khởi lên, nếu tâm điệu cử, do dự, bấy giờ, không nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần. Vì sao? Vì khi tâm điệu cử khởi lên, với tâm điệu cử, do dự, các pháp này làm cho tăng thêm. Thí như lửa đang cháy, muốn dập tắt mà đem cỏ khô thêm vào. Ý các ông thế nào? Há không khiến cho lửa cháy bùng lên đó sao?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

¹⁹. Bản Pāli:... līnam cittaṃ hoti, katamesam tasmin samaye bojjhaṅgānam akālo bhāvanāya... kālo bhāvanāya, khi tâm co rút, lúc ấy là hợp thời để tu tập những giác chi nào, không hợp thời cho sự tu tập những giác chi nào.

²⁰. Xem cht.8 kinh 713.

²¹. Xem cht.6 kinh 713.

²². Hán: tiêu thán 焦炭. Bản Pāli:... allāni ceva tiṇāni,... allāni ca gomayāni,... allāni ca kaṭṭhāni pakkhipeyya, bỏ vào những cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt.

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi tâm điệu cử khởi lên, nếu tâm điệu cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, làm tăng thêm điệu cử.

“Này các Tỳ-kheo, khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự. Lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần. Vì sao? Vì khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự, bằng các pháp này mà được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Thí như một đốm lửa muốn cho nó cháy lên, thì nên cho cỏ khô vào. Thế nào Tỳ-kheo! Lửa này có cháy hừng lên không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi tâm yếu đuối sanh khởi như vậy, nếu tâm yếu đuối, do dự, lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần để được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

“Hoặc khi tâm điệu cử sanh khởi; nếu tâm điệu cử, do dự, thì nên tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Vì sao? Vì khi tâm điệu cử sanh khởi; nếu tâm điệu cử, do dự, thì bằng các pháp này mà có thể khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm nhiếp trì. Thí như lửa đang cháy, muốn cho nó tắt, chỉ cần cho than tro vào, thì lửa này sẽ tắt.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm điệu cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần thì không đúng thời; nếu tu Khinh an, Định, Xả giác phần thì tự nó mới đúng thời. Vì các pháp này khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm, nhiếp trì. Niệm giác phần thì hỗ trợ cho tất cả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 715. THỰC²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm triền cái, bảy Giác phần, có thức ăn, không thức ăn. Nay Ta sẽ nói. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, năm triền cái: nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn.

“Tham dục triền cái lấy gì làm thức ăn? Đó là tướng xúc²⁴. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng²⁵, tham dục chưa khởi sẽ khiến khởi; tham dục đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của dục ái triền cái²⁶.

“Những gì là thức ăn của sân nhuế triền cái? Đó là tướng chướng ngại²⁷. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, thì sân nhuế cái chưa khởi sẽ khiến khởi; sân nhuế cái đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của sân nhuế triền cái.

“Những gì là thức ăn của thùy miên cái? Gồm có năm pháp. Những gì là năm? Đó là yếu đuối, chẳng vui, ngáp ợ, ăn nhiều, lười biếng. Đối với chúng không tư duy đúng, khi thùy miên cái chưa khởi thì khiến khởi, thùy miên cái đã khởi rồi, có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của thùy miên cái.

“Những gì là thức ăn của trạo hối? Gồm có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là giác tưởng về thân thuộc, giác tưởng về mọi người, giác tưởng về chư Thiên, giác tưởng về những khoái lạc vốn đã tự kinh

²³. Cf. S.46.2 Kāya; 46.51 Āhāra.

²⁴. Hán: xúc tướng 觸 相. Bản Pāli: subhanimitta, tịnh tưởng.

²⁵. Bản Pāli: ayonisomanasikārabahulīkāro, tu tập nhiều (với tịnh tưởng) mà không tác ý một cách như lý.

²⁶. Dục ái 欲 愛. Pāli: kāmachanda.

²⁷. Chướng ngại tướng 障 礙 相. Pāli: paṭighanimittam, tưởng đối nghịch hay đối ngại. Trong Pāli, paṭigha, có nghĩa là sân, cũng có nghĩa là đối nghịch (chướng ngại).

qua²⁸. Tự mình nhớ nghĩ hay dò người khác khiến nhớ nghĩ mà sanh giác tưởng. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, khi trạo hối chưa khởi thì khiến khởi; trạo hối đã khởi rồi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạo hối.

“Những gì là thức ăn của nghi cái? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Đối với đời quá khứ còn do dự, đời vị lai còn do dự, đời hiện tại còn do dự. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, nghi cái chưa khởi sẽ khiến khởi; nghi cái đã khởi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của nghi cái.

“Thí như thân thể nhờ vào thức ăn mà được nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, bảy Giác phần cũng nhờ vào thức ăn mà tồn tại, nhờ vào thức ăn mà nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ ăn.

“Cái gì là chẳng phải thức ăn của Niệm giác phần? Không tư duy về bốn Niệm xứ, Niệm giác phần chưa khởi sẽ chẳng cho khởi; Niệm giác phần đã khởi rồi, khiến cho giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Niệm giác phần.

“Cái gì chẳng phải là thức ăn của Trạch pháp giác phần? Lựa chọn đối với pháp thiện, lựa chọn đối với pháp bất thiện; không tư duy đối với chúng, Trạch pháp giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Trạch pháp giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Trạch pháp giác phần.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của Tinh tấn giác phần? bốn Chánh đoạn; đối với chúng không tư duy, tinh tấn giác phần chưa khởi sẽ không khởi; Tinh tấn giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là không phải thức ăn của Tinh tấn giác phần.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của Hỷ giác phần? Có pháp Hỷ, có pháp hỷ xứ; đối với chúng không tư duy, Hỷ giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Hỷ giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Hỷ giác phần.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của Khinh an giác phần? Có thân khinh an cùng tâm khinh an; đối với chúng không tư duy, khi

²⁸. Bản Pāli: cetaso avūpasamo, tâm không an tĩnh.

Kinh an giác phần chưa sanh sẽ không cho khởi; Kinh an giác phần đã sanh sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Kinh an giác phần.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của Định giác phần? Có bốn Thiên; đối với chúng không tư duy, Định giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Định giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Định giác phần.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của Xả giác phần? Có ba giới; đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; đối với chúng không tư duy, Xả giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Xả giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Xả giác phần.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của tham dục cái? Quán bất tịnh; tư duy đối với nó, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến cho bị dứt. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của tham dục cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái? Tư duy về tâm từ kia,²⁹ sân nhuế cái chưa sanh sẽ không khởi; sân nhuế cái đã sanh sẽ khiến cho bị diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái? Tư duy về sự chiếu sáng³⁰ kia, khi thùy miên chưa sanh, không cho khởi; thùy miên đã sanh rồi, khiến cho bị diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái? Tư duy đúng về sự tĩnh chỉ kia, trạo hối cái chưa sanh sẽ không khởi; trạo hối cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của nghi cái? Tư duy về pháp duyên khởi, nghi cái chưa sanh sẽ không khởi; nghi cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của nghi cái.

²⁹. Bản Pāli: mettācetovimutti, từ tâm giải thoát.

³⁰. Hán: minh chiếu. Bản Pāli: atthi ārambhadhātu nikkamadhātu parakkamadhātu, có phát cần giới, tinh cần giới, dũng mãnh giới.

“Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mà sống, nhờ vào ăn mà tồn tại. Những gì là thức ăn của Niệm giác phần? Tư duy bốn Niệm xứ rồi, Niệm giác phần chưa sanh sẽ khiến cho sanh khởi; Niệm giác phần đã sanh càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Niệm giác phần.

“Những gì là thức ăn của Trạch pháp giác phần? Có lựa chọn pháp thiện, có lựa chọn pháp bất thiện; khi tư duy về chúng, nếu Trạch pháp giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Trạch pháp giác phần đã sanh rồi, thì càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Trạch pháp giác phần.

“Những gì là thức ăn của Tinh tấn giác phần? Tư duy về bốn Chánh đoạn, nếu Tinh tấn giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Tinh tấn giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Tinh tấn giác phần.

“Những gì là thức ăn của Hỷ giác phần? Có Hỷ, có Hỷ xứ; tư duy về chúng, nếu Hỷ giác phần chưa sanh, khiến sanh khởi; Hỷ giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Hỷ giác phần.

“Những gì là thức ăn của Khinh an giác phần? Có thân khinh an, tâm khinh an; tư duy về chúng, nếu Khinh an giác phần chưa sanh, khiến sanh khởi, Khinh an giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Khinh an giác phần.

“Những gì là thức ăn của Định giác phần? Tư duy về bốn Thiền, Định giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Định giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Định giác phần.

“Những gì là thức ăn của Xả giác phần? Gồm có ba giới. Những gì là ba? Đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; tư duy về chúng, Xả giác phần chưa sanh khiến cho sanh khởi; Xả giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 716. PHÁP (1)³¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy có một pháp nào mà pháp ác bất thiện chưa sanh lại khiến cho nó sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Hay pháp thiện chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho bị giảm đi. Đó là không tư duy chân chánh.

“Này các Tỳ-kheo, không tư duy chân chánh, tham dục cái chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi.

“Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh thì không sanh; đã sanh rồi, khiến cho đoạn; pháp thiện chưa sanh, thì khiến sanh; đã sanh rồi, thì cho tái sanh khiến tăng rộng. Đó là tư duy chân chánh.

“Này Tỳ-kheo, tư duy chân chánh thì tham dục cái chưa sanh, sẽ khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho nó dứt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh, khiến cho sanh; sanh rồi, cho tái sanh khiến tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

³¹. Pāli, S.45.83 Yoniso; 46.29 Ekadhamma.

KINH 717. PHÁP (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào như là tri thức ác, bạn đảng ác mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng; pháp thiện chưa sanh lại khiến không sanh; đã sanh rồi lại khiến giảm đi.

“Với tri thức ác, bạn đảng ác; tham dục cái chưa sanh, khiến sanh; đã sanh thì tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh khiến sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh, thì khiến không sanh, đã sanh rồi khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi.

“Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một pháp nào, mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, đã sanh rồi, khiến nó dứt; khi pháp thiện chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Đó là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng.

“Với thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng, tham dục cái chưa sanh, thì không cho sanh; đã sanh rồi, thì khiến cho diệt đi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, thì khiến cho không sanh, đã sanh rồi, thì khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh, thì khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần khi chưa sanh, thì khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến chúng tăng rộng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 718. XÁ-LỢI-PHẤT³²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

³². Pāli, S.46.4 Vatta.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Bảy Giác phần này quyết định mà được, không tinh cần mà được, tôi tùy theo ý muốn mà chứng nhập một giác phần³³. Hoặc buổi sáng, giữa trưa, hay buổi chiều mà nếu muốn chứng nhập, thì nhiều lần chứng nhập tùy theo sở dục. Thí như vua, đại thần, có đủ thứ y phục để ở trong rương tráp, tùy theo nhu cầu cần dùng của mình mà vào lúc trưa hay chiều, theo ý dùng tự do. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bảy Giác phần này, vì quyết định mà được, không tinh cần mà được, tùy ý chứng nhập. Tôi, đối với Niệm giác phần này, là thuần trắng thanh tịnh, lúc khởi biết khởi, lúc diệt biết diệt, lúc biến mất biến mất; đã khởi biết đã khởi, đã diệt biết đã diệt. Cũng vậy, đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, thì cũng nói như vậy.”

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 719. ỦU-BA-MA³⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Tôn giả Ủu-ba-ma³⁵, Tôn giả A-đề-mục-đa³⁶ đang ngủ tại tịnh xá Kê lâm ở ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ, Tôn giả A-đề-mục-đa vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh thức dậy, đến chỗ Tôn giả Ủu-ba-ma, chào hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ủu-ba-ma:

“Tôn giả, có thể cho biết phương tiện của bảy Giác phần³⁷, được

³³. Hán: giác phần chánh thọ 覺 分 正 受.

³⁴. Pāli, S.46.8 Upavāṇa.

³⁵. Ủu-ba-ma 優 波 摩. Pāli: Upavāṇa.

³⁶. A-đề-mục-đa 阿 提 目 多. Pāli: Adhimutta.

³⁷. Thất giác phần phương tiện 七 覺 分 方 便. Pāli: susamāraddhā satta bojjhaṅgā, bảy Giác chỉ được khéo nỗ lực.

chứng nhập với an trú lạc³⁸ như vậy, hay chứng nhập với an trú khổ như vậy?”

Ưu-ba-ma đáp rằng:

“Tôn giả A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo khéo biết phương tiện tu bảy Giác phần thì cũng có thể chứng nhập với an trú lạc như vậy, cũng có thể chứng nhập với an trú khổ như vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo làm thế nào để khéo biết phương tiện tu bảy Giác phần?”

Ưu-ba-ma đáp rằng:

“Tỳ-kheo lúc phương tiện tu Niệm giác phần, tư duy biết rằng³⁹ ‘Tâm kia không khéo giải thoát, không bỏ ngủ nghỉ, không khéo điều phục trạo hối. Như tư duy về pháp Niệm giác xứ của ta, tuy phương tiện tinh tấn cũng không đạt được bình đẳng.’ Cũng vậy, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần cũng nói như vậy.

“Nếu Tỳ-kheo lúc phương tiện tu Niệm giác phần, trước hết tư duy: ‘Tâm khéo giải thoát, dẹp bỏ ngủ nghỉ, điều phục trạo hối, đối với pháp Niệm giác xứ này như ta tư duy rồi, sau đó tuy không tinh cần phương tiện mà đạt được bình đẳng. Như vậy A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo biết phương tiện tu bảy Giác phần, chứng nhập với an trú lạc như vậy, chứng nhập với an trú khổ như vậy.’

Sau khi hai vị Chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 720. A-NA-LUẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật cũng ở nước Xá-vệ, trong tinh xá Tòng lâm. Lúc ấy, có số đông các Tỳ-kheo đến chỗ A-na-luật, chào hỏi khích lệ

³⁸. Lạc trú chánh thọ 樂 住 正 受. Pāli: phāsuvihārāya saṃvattanti, chúng tác dụng để dẫn đến an trú lạc.

³⁹. Hán: tri tư duy 知 思 唯. Ấn Thuận thêm từ bất 不 : không biết tư duy.

nhau. Sau khi chào hỏi khích lệ xong, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả có biết, khi phương tiện tu bảy Giác phần, có sanh ra lạc trú không?”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tôi biết, lúc Tỳ-kheo phương tiện tu bảy Giác phần, sanh ra lạc trú.”

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Thế nào là biết Tỳ-kheo khi phương tiện tu bảy Giác phần, sanh lạc trú?”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo phương tiện tu Niệm giác phần, mà khéo biết tư duy, tâm ta khéo giải thoát, khéo bỏ ngủ nghỉ, khéo điều phục trạo hối. Như pháp niệm giác phần xứ này, tư duy rồi, nỗ lực phương tiện, tâm không lười biếng, thân khinh an không loạn động, buộc tâm an trụ, không khởi loạn niệm, nhất tâm chứng nhập. Cũng vậy, đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là biết Tỳ-kheo lúc phương tiện tu bảy Giác phần, thì sanh ra lạc trú.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả A-na-luật đã nói, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 721. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (I)⁴⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lúc Chuyển luân Thánh vương ra đời, có bảy báu hiện ra ở thế gian: bánh xe vàng báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, quan giữ kho báu. Cũng vậy, Như Lai xuất thế cũng có báu bảy Giác phần hiện ra.

“Trai giới⁴¹, ngồi trên lầu quán, đại thần vây quanh, có bánh xe

⁴⁰. Pāli, 46.42 Cakkavatti.

⁴¹. Bản Hán, văn đột ngọt; có thể nhảy sót một đoạn. Xem kinh 722 dưới.

vàng báu xuất hiện từ phương Đông, bánh xe có ngàn cẩm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ, vua nghĩ: ‘Có điềm lành này, nên chắc chắn là Chuyển luân Thánh vương. Ta nay nhất định là Luân vương.’ Liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: ‘Nếu đây là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì hãy quay theo con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi.’ Lúc ấy bánh xe báu liền xuất phát, lăn đi phía trước vua và số đông, ở phương Đông, nương vào hư không, nhắm hướng Đông mà đi, lăn theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Vua theo bánh xe báu; bốn binh chủng cùng theo. Nếu đến nơi nào bánh xe báu dừng lại thì vua và bốn binh chủng cũng dừng lại nơi đó. Các Tiểu vương những xứ phương Đông thấy Thánh vương đến, tất cả đều quy phục.

“Như Lai xuất hiện ở đời cũng có bảy Giác phẫn hiện ra ở thế gian; đó là Niệm giác phẫn, Trạch pháp giác phẫn, Tinh tấn giác phẫn, Hỷ giác phẫn, Khinh an giác phẫn, Định giác phẫn, Xả giác phẫn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 722. CHUYỂN LUÂN (2)⁴²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, bảy báu cũng hiện ra ở thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương ra đời, bánh xe vàng báu xuất hiện như thế nào? Bấy giờ Thánh vương Quán đánh dòng Sát-lợi, nhầm vào ngày rằm, tắm rửa sạch sẽ, tho trì trai giới, ở trên lầu các, đại thần vây quanh. Khi ấy, có bánh xe vàng báu từ phương Đông xuất hiện. Bánh xe có ngàn cẩm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng

⁴². Pāli, S.46.42 Cakkavatti. Tham chiếu, N°125(39.7), D.17 Mahāsudassana-suttanta.

bánh xe đầy đủ, bằng vàng ròng cõi trời. Vua tự nghĩ: ‘Nghe từ xa xưa truyền lại rằng, ngày rằm nhầm ngày bố-tát, Đại vương Quán đánh dòng Sát-lợi, tắm rửa sạch sẽ, thọ trì trai phước, thì có bánh xe báu hiện ra. Nay cũng như ngày xưa, đã có điềm lành này, nên biết ta là Chuyển luân Thánh vương.’ Liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: ‘Nếu là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì phải quay lại con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi.’ Nói xong lời này rồi, bấy giờ bánh xe báu liền từ trước vua nhầm hướng Đông mà đi theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Nhà vua cùng bốn binh chủng theo bánh xe báu, đến phương Đông. Các Tiểu vương các nước phương Đông thấy Thánh vương đến, đều tung hô: ‘Lành thay, hoan nghinh Đại vương đến! Đây là nước của Đại vương. Nước này an ổn, nhân dân phồn vinh an lạc. Xin ngài dừng lại ở đây, giáo hóa mọi người nước này. Chúng tôi thấy đều là tùy tùng của Thiên tôn.’

Thánh vương đáp rằng:

“–Này các chủ tụ lạc, từ nay các ngươi nên khéo giáo hóa người dân trong nước. Nếu có ai nghịch lại, thì nên đến báo cho ta, sẽ theo như pháp luật mà giáo hóa. Chớ nên làm những điều phi pháp. Và cũng nên khiến mọi người trong nước khéo cải hóa những điều phi pháp. Nếu đúng như vậy, thì đó là theo sự giáo hóa của ta.

“Từ biển Đông này, Thánh vương nương theo đường của Thánh vương xưa đến biển Nam. Rồi nương theo con đường của Thánh vương xưa vượt biển Nam mà đến biển Tây; theo con đường của Thánh vương xưa vượt qua biển Tây đến biển Bắc. Các Tiểu vương quốc của các phương Nam, Tây, Bắc đều cung đón thỉnh mời cũng nói đầy đủ như phương Đông. Bấy giờ, bánh xe vàng báu mà Thánh vương đã đi theo này vượt qua biển Bắc, trở lại trên cung điện Chánh trị, ở giữa hư không. Đó là Chuyển luân Thánh vương khi xuất hiện ở đời thì có bánh xe vàng báu hiện ra ở thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, voi trắng báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Đại vương Quán đánh dòng Sát-lợi thấy voi hoàn toàn trắng, màu sắc nó tươi đẹp, bảy chi vũng vàng⁴³.

⁴³. Hán: thất chi trụ địa 七 支 住 地 . Pāli: sattappatiṭṭhito. Bảy chỗ.

Thánh vương thấy vậy, lòng hân hoan nghĩ: ‘Voi báu này, nay lại ứng hiện đối với ta.’ Vua liền cho kêu tượng sư, người điều phục voi giỏi, bảo nhanh chóng điều phục voi báu này, khi nào điều phục xong hãy đưa đến. Tượng sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được voi; đầy đủ tất cả dấu hiệu chứng tỏ đã được điều phục. Giống như voi khác đã được điều phục trong một năm; con voi báu này chỉ được điều phục trong vòng một ngày mà được như vậy. Sau khi đã điều phục xong, dẫn đến chỗ vua, tâu lên vua rằng: ‘Voi này đã được điều phục xong, giờ xin vua biết cho.’

“Bấy giờ, Thánh vương, xem kỹ tướng voi đã được điều phục hoàn bị này, rồi cưỡi voi báu, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì voi báu này hiện ra ở thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngựa báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Chuyển luân Thánh vương sở hữu một con ngựa báu, thân toàn màu xanh, đầu đen, đuôi đỏ. Thánh vương thấy ngựa, lòng sanh hân hoan, nghĩ: ‘Ngựa thần này, nay lại ứng hiện đối với ta.’ Vua liền giao cho mã sư, hãy nhanh chóng điều phục nó, khi nào điều phục xong thì dẫn đến đây. Mã sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được ngựa này. Giống như ngựa khác đã được điều phục cả năm, ngựa báu này chỉ không đầy một ngày mà được điều phục như vậy. Sau khi biết ngựa đã điều phục xong, dẫn đến chỗ vua thưa rằng: ‘Ngựa này đã được điều phục xong.’

“Bấy giờ, Thánh vương xem kỹ tướng ngựa báu đã được điều phục hoàn bị, rồi cưỡi ngựa báu, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì ngựa báu cũng hiện ra thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian như thế nào? Ngọc báu mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, hình dáng của nó có tám cạnh, chiếu ánh sáng đượm, không tỳ vết, thường làm đèn sáng trong cung vua. Chuyển luân Thánh vương thí nghiệm ngọc báu. Vào một đêm trời mưa tối tăm, cầm ngọc báu đi trước dẫn đường, đem bốn binh chửng vào

trong vườn rừng, ánh sáng của nó tỏa rạng ra cỡ một do-tuần. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì Ngọc nữ hiền báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Ngọc nữ mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, không đen không trắng, không cao không thấp, không lớn quá, không nhỏ quá, không mập không ốm, thân thể đoan chính, thân thể lúc lạnh thì ấm, lúc nóng thì mát, thân thể mềm mại như áo ca-lăng-già; những lỗ chân lông trên cơ thể toát ra mùi hương chiên-dàn, hơi thở mũi, miệng thoảng mùi thơm Ưu-bát-la; ngủ sau dậy trước, hầu hạ nhà vua, theo sắc mặt biết ý mà phục vụ; lời nói dịu dàng đáng yêu, đoan tâm chánh niệm làm cho vua phát sanh đạo ý; tâm không vượt trái, huống chi là thân và khẩu. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì có Ngọc nữ hiện ra thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì thần báu chủ kho tàng hiện ra thế gian? Vì đại thần chủ kho tàng của Chuyển luân Thánh vương, vốn hay làm việc bố thí, nên khi sanh ra đã có thiên nhãn, có thể thấy kho tàng ẩn dấu là có chủ hay không chủ, hoặc dưới nước hay trong đất, hoặc gần hay xa, tất cả đều thấy hết. Khi Chuyển luân Thánh vương cần trân bảo thì lập tức ra lệnh, tùy theo chỗ cần dùng của vua liền dâng lên. Một hôm Thánh vương muốn xem thử khả năng của vị đại thần này, nên cho gióng thuyền ra biển và bảo vị đại thần này:

“–Ta đang cần vật báu.

Đại thần tâu vua rằng:

“–Xin dừng bên bờ một chút, thần sẽ dâng lên.

Vua bảo đại thần này:

“–Hiện tại ta không cần vật báu bên bờ, mà cần đưa hết cho ta ngay⁴⁴!

“Bấy giờ, ngay trong nước đại thần liền lấy ra bốn chùm vàng, bên trong đựng đầy kim bảo dâng lên Thánh vương, tùy theo chỗ cần

⁴⁴. Bản Cao-ly: tận thời 盡時. Bản Tống-Nguyễn-Minh: trú thời 留時 (ngay ban ngày).

dùng của vua mà lấy sử dụng. Nếu lấy đủ rồi, những kim bảo còn lại đều được trả lại trong nước. Đó gọi là Thánh vương khi xuất hiện ở đời, thì có thần chủ kho tàng như vậy hiện ra ở thế gian.

“Khi Thánh vương xuất hiện ở đời, có thần chủ binh hiện ra ở thế gian như thế nào? Có vị đại thần chủ binh thông minh, tài trí, biện thông. Cũng như người ở thế gian thành tựu sự suy tính khéo léo, thần này tùy theo chỗ cần của Đại vương mà đáp ứng như cần đi, cần dừng lại, cần xuất, cần nhập; hay bốn loại binh chủng của Thánh vương đang hành quân đường xa chợt dừng lại vẫn khiến không bị mệt mỏi; biết tất cả những gì vua cần nên làm, cùng những việc có công đức ngay trong hiện tại và đời sau đem trình tâu Thánh vương. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, có sự xuất hiện của thần chủ binh. Cũng vậy, khi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có bảy Giác phần hiện ra ở thế gian.

“Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 723. NIÊN THIẾU⁴⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay, Tỳ-kheo! Nương⁴⁶ vào người mà nghe pháp, các Tỳ-kheo trẻ tuổi nên cúng dường, phụng sự các vị Trưởng lão tôn túc. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo nhỏ tuổi nào cũng cúng dường, phụng sự các vị Tỳ-kheo Trưởng lão, thì lúc nào cũng nghe được pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu được hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh; bấy giờ tu Niệm giác phần. Sau khi tu Niệm giác

⁴⁵. Cf. S. 46.3. Silā (phần đầu).

⁴⁶. Nguyên bản: tăng 增. Theo Tổng bản: y 依.

phần rồi, Niệm giác phần sẽ đầy đủ. Khi Niệm giác phần đã đầy đủ rồi, đối với pháp lựa chọn, phân biệt, suy lường; bấy giờ, phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần, chi tiết cho đến, tu tập Xả giác phần sẽ đều đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 724. QUẢ BÁO PHỤNG SỰ⁴⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo trì giới, tu đức, có tài quý, thành tựu pháp chân thật. Người nào thấy vị này, sẽ được nhiều quả báo. Hoặc lại nghe vị này, hoặc còn nhớ nghĩ đến, theo xuất gia, sẽ được nhiều công đức; huống chi là lại gần gũi, cung kính, phụng sự. Vì sao? Vì gần gũi, phụng sự người như vậy, thì lúc nào cũng sẽ được nghe pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh, phương tiện tu tập Định giác phần. Sau khi đã tu tập rồi, sự tu tập sẽ đầy đủ... cho đến, Xả giác phần tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 725. BẤT THIỆN TỰ⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói tụ bất thiện là nói năm triền cái, đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ thuần bất thiện, đó chính là năm triền cái. Những gì là năm? Đó là

^{47.} S.46.3 Sīla (phần đầu).

^{48.} S. 46.24 Ayoniso.

tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

“Nói tụ thiện là nói bảy Giác phần, đó là chánh thuyết. Vì sao? Thuần nhất thanh tịnh, đó chính là bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 726. THIỆN TRI THỨC⁴⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tinh xá Giáp cốc⁵⁰ thành Vương xá. Khi ấy Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Bấy giờ, Tôn giả ở một mình nơi vắng, thiền tịnh tư duy và nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh tức là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng.’

Rồi Tôn giả từ thiền tịnh tĩnh giác, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, Con ở một mình nơi vắng, thiền định tư duy và nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng’.”

Phật bảo A-nan:

“Chớ nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng.’ Vì sao? Thuần nhất mẫn tịnh, phạm hạnh thanh bạch⁵¹, chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng. Vì Ta là thiện tri thức nên có chúng

⁴⁹. S. 45. 2 Upadīha.

⁵⁰. Giáp cốc tinh xá 夾 谷 精 舍.

⁵¹. Pāli: sakalam evidaṃ brahmacariyaṃ yadi dīkṣa kalyāṇāmittā kalyāṇasahāyatā, chính toàn bộ đời sống phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện đồng hành...

sanh ở nơi Ta mà tiếp nhận Niệm giác phẫn, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, Trạch giác phẫn, Tinh tấn giác phẫn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác phẫn, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Vì vậy cho nên, A-nan, thuần nhất mẫn tịnh, phạm hạnh thanh bạch chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 727. CÂU-DI-NA⁵²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tu lạc Lực sĩ, du hành trong nhân gian, đến khoảng giữa thành Câu-di-na-kiệt và sông Hy-liên, ở cạnh tu lạc. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Hôm nay, Ta bị đau lưng, muốn nằm nghỉ một chút. Hãy gấp Uất-đa-la-tăng làm bốn lớp cho Thế Tôn.”

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy, gấp làm bốn lớp, trải Uất-đa-la-tăng xong bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn con đã gấp làm bốn lớp và đã trải Uất-đa-la-tăng rồi, xin Thế Tôn biết cho!”

Bấy giờ, Thế Tôn gối đầu lên Tăng-già-lê gấp dày, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng nhau, cột niêm vào tướng sáng, chánh niệm chánh trí, với giác tướng muối trỗi dậy, bảo Tôn giả A-nan:

“Ông hãy nói về bảy Giác phẫn.”

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đó là Niệm giác phẫn, được Thế Tôn nói sau khi tự giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Và đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phẫn, được Thế Tôn nói sau khi thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y dục, y diệt, hướng đến xả.”

Phật bảo A-nan:

⁵². S. 46.16 Gilāna. Cf. D.16 Mahāparinibbāna-suttanta.

“Ông nói tinh tấn chăng?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nói tinh tấn. Bạch Thiện Thệ; con nói tinh tấn.”

Phật bảo A-nan:

“Chỉ tu tập tinh tấn, tu tập nhiều, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Nói xong, Ngài ngồi ngay thẳng, cột niệm. Lúc này, có một Tỳ-kheo liền nói kệ rằng:

*Thích nghe pháp vi diệu,
Chịu đau, bảo người nói;
Tỳ-kheo liền nói pháp,
Nói về bảy Giác phẫn.
Lành thay! Ngài A-nan,
Hiểu rõ khéo diễn thuyết;
Pháp thanh thịnh thù thẳng,
Nói lìa cấu vi diệu.
Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn,
Hỷ, Khinh an, Định, Xả;
Đó là bảy Giác phẫn,
Pháp vi diệu khéo nói.
Nghe nói bảy Giác phẫn,
Đạt sâu vị Chánh giác;
Thân chịu nhiều đau nhức,
Gắng chịu ngồi lắng nghe.
Hãy nhìn vua chánh pháp,
Thường vì người nói nồng;
Mà còn thích nghe nói,
Huống chi người chưa nghe.
Trí tuệ lớn bậc nhất,
Mười lực, bậc đáng lẽ;
Ngài cũng lại vội vàng,
Đến nghe nói Chánh pháp.
Người hiểu biết thông đạt,
Khế kinh, A-tỳ-dàm;*

*Người thông suốt Pháp luật,
 Còn nghe huống chi người.
 Nghe nói pháp như thật,
 Chuyên tâm tĩnh giác nghe;
 Những pháp Phật đã dạy,
 Được lìa dục, vui sướng.
 Vui sướng thân nhẹ nhàng,
 Tâm tự vui cũng vậy;
 Tâm vui được chứng nhập,
 Chánh quán trong việc làm.
 Nhảm chán ba đường ác,
 Lìa dục tâm giải thoát;
 Chán các Hữu đường ác,
 Không tạo nhân Trời, Người.
 Vô dư, như đèn tắt,
 Cứu cánh Bát-niết-bàn;
 Nghe pháp nhiều phước lợi,
 Những lời dạy tối thắng;
 Cho nên luôn tư duy,
 Nghe lời Đại Sư dạy.*

Tỳ-kheo này nói kệ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
**

KINH 728. THUYẾT⁵³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần,...
 cho đến Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật
 đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
**

⁵³. S. 46.22 Desanā.

KINH 729. DIỆT⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu tập bảy Giác phần. Tu tập những gì là bảy Giác phần? Là Niệm giác phần,... cho đến Xả giác phần. Nếu Tỳ-kheo tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, tu Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Ý, Định và Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 730. PHÂN⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Các Tỳ-kheo, quá khứ đã tu bảy Giác phần như vậy, vị lai cũng sẽ tu bảy Giác phần như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 731. CHI TIẾT⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

^{54.} S. 46.27 Nirodha.

^{55.} S. 46.41 Vidyā.

^{56.} S. 46.9-10 Upanna; 46. 49 Āṅga.

“Tỳ-kheo đối với Niệm giác phần thanh tịnh, trăng tinh, không có chi tiết, lìa các phiền não; giác chi ấy chưa khởi thì không khởi, trừ phi có Phật điều phục giáo thọ⁵⁷. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy.

“Nếu Tỳ-kheo đối với Niệm giác phần thanh tịnh, trăng tinh, không có chi tiết, lìa các phiền não; giác chi ấy chưa khởi thì khởi, vì được Phật điều phục giáo thọ, không phải khác. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 732. KHỞI⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Giác chi chưa khởi không khởi, vì không có Thiện Thệ. Giác chi chưa khởi thì khởi, có Thiện Thệ điều phục giáo thọ, không phải khác.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 733. THẤT ĐẠO PHẨM (1)⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lẽ dưới chân, rồi

^{57.} Hán: trừ Phật điều phục giáo thọ 除佛調伏教授. Pāli:...bojjhaṅgā bhāvitā bahulikatā uppannā uppajjanti nāññatra tathāgatassa pātubhāvā, giác chi được tu tập, được sung mãn, nếu chưa sanh thì sanh, trừ phi không có Như Lai xuất hiện.

^{58.} S. 46.9-10 Uppannā. Xem kinh 731 trên.

^{59.} S. 46.5 Bhikkhu.

ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là giác phần. Bạch Thế Tôn, thế nào là giác phần?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Giác phần là bảy pháp Đạo phẩm⁶⁰. Nhưng này các Tỳ-kheo, bảy Giác phần phải theo thứ tự mà khởi, được tu tập đầy đủ.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là giác phần theo thứ tự mà khởi và tu tập đầy đủ?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân. Vị kia khi sống quán nội thân trên thân, nghiệp tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Niệm giác phần. Sau khi đã phương tiện tu tập Niệm giác phần, tu tập mãn túc. Khi Niệm giác phần đã được mãn túc, đổi với pháp mà tuyển trạch, phân biệt, tư lưỡng, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần. Sau khi đã phương tiện tu tập, tu tập mãn túc. Như vậy cho đến tu tập mãn túc Xả giác phần. Như sống quán niệm nội thân trên thân, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp cũng vậy, lúc bấy giờ, chuyên tâm, cột niệm, không quên,... cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy. An trú như vậy, thì giác phần khởi theo thứ tự; khi đã khởi theo thứ tự rồi, tu tập mãn túc.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 734. QUẢ BÁO (I)⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt.

⁶⁰. Đạo phẩm pháp 道品法. Pāli: bodhāya saṃvattantī 'ti... bojjhaṅgā' ti vuccanti, chúng tư trợ cho sự giác ngộ, nên chúng được gọi là giác chi.

⁶¹. S. 48.65 Dve phalā.

“Nếu Tỳ-kheo đã tu tập bảy Giác phần như vậy, sẽ được hai loại quả: Hiện tại lậu tận mà Vô dư Niết-bàn, hoặc được quả A-na-hàm.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 735. QUẢ BÁO (2)⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Tỳ-kheo sau khi tu tập bảy Giác phần như vậy, tu tập nhiều, sẽ được bốn quả, bốn phước lợi. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 736. THẤT CHỨNG QUẢ⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bảy quả, bảy phước lợi. Những gì là bảy? Đó là Tỳ-kheo được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại⁶⁴. Hoặc lúc qua đời, mà không được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại⁶⁵, nhưng lúc qua đời mà

⁶². S. 48.12 Saṅkhita.

⁶³. S. 46.3. Sīla.

⁶⁴. Hán: đắc hiện pháp trí chứng lạc 得現法智證樂. Pāli: diṭṭhidhamme paṭikacca aññam ārādheti, ngay trong đời hiện tại nhất định chứng đắc chánh trí. Bản Hán hiểu ārādheti: vui thích; cũng có nghĩa là thành đạt.

⁶⁵. Pāli: no ce diṭṭheva dhamme paṭikacca aññam ārādheti atha marañakāle aññam ārādheti, nếu hiện pháp không nhất định chứng đắc chánh trí, khi lâm chung sẽ chứng đắc chánh trí. Đây là kết quả thứ hai.

đoạn tận năm hạ phần kết, đạt được Trung Bát-niết-bàn. Nếu không được Trung Bát-niết-bàn, thì được Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không được Sanh Bát-niết-bàn, thì được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không được Vô hành Bát-niết-bàn, thì được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không được Hữu hành Bát-niết-bàn, thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nọ nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 737. THẤT ĐẠO PHẨM (2)⁶⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Gọi là giác phân, vậy thế nào là giác phân?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi pháp y cứ; xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành theo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Bảy Giác phân là bảy pháp Đạo phẩm⁶⁷. Các Tỳ-kheo, bảy Giác phân này theo thứ lớp khởi, khi đã theo thứ lớp khởi rồi, thì sự tu tập sẽ đầy đủ”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế nào là bảy Giác phân theo thứ lớp mà khởi. Sau khi theo thứ lớp khởi, sự tu tập được đầy đủ?”

“Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Vì ấy sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân, chuyên tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu Niệm giác phân. Sau khi tinh cần phương tiện tu Niệm giác phân, sự tu tập được đầy đủ. Nghĩa là khi đã tu Niệm giác phân rồi, thì tuyển trạch pháp, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu tập Trạch pháp giác phân. Sau khi tinh cần phương tiện

⁶⁶. S. 46.5 Bhikkhu.

⁶⁷. Xem kinh 733.

tu Trạch pháp giác phần rồi, sự tu tập được đầy đủ. Cũng vậy, đối với Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác phần cũng nói như vậy. Như nội thân, cũng vậy an trụ chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp trên pháp, chuyên tâm, cột niệm, không quên lúc bấy giờ tinh cần phuong tiện tu Niệm giác phần. Sau khi tinh cần phuong tiện tu Niệm giác phần, sự tu tập được đầy đủ. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với bảy Giác phần theo thứ lớp khởi; khi đã theo thứ lớp khởi rồi, sự tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 738. QUẢ BÁO (3)⁶⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Tu tập bảy Giác phần này, tu tập nhiều, sẽ được hai quả: Hiện tại chứng trí; hoặc còn hữu dư y, chứng quả A-na-hàm⁶⁹. ”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 739. QUẢ BÁO (4)⁷⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

^{68.} S. 48.65 Dve phalā.

^{69.} Bản Hán: đắc hiện pháp trí hữu dư Niết-bàn cập a-na-hàm quả 得現法智有餘涅槃及阿那含果. Có sự nhầm lẫn. Pāli: dīṭṭhiva dhamme aññā, sati vā upādisesa anāgamitā'ti.

^{70.} Xem kinh 735.

“Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bốn quả. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 740. QUẢ BÁO (5)⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có sự sai biệt:

“Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bảy quả. Những gì là bảy? Đó là hiện tại chánh trí hữu dư Niết-bàn. Cho đến khi qua đời, nếu không vậy⁷². Nếu không như vậy, năm hạ phần kết hết, đạt được Trung Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Thượng lưu Bát-niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 741. BẤT TỊNH QUÁN⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu Bất tịnh quán. Sau khi tu tập nhiều rồi, sẽ được quả lớn,

⁷¹. Xem kinh 746.

⁷². Hán: cùp mặng chung thời, nhược bất nhĩ giả 及 命 終 時, 若 不 翱 者. Tôi nghĩa. Được hiểu như sau: Nếu không như vậy (không Chánh trí tức chứng quả A-la-hán trong đời hiện tại), thì kịp khi mạng chung (sẽ chứng Chánh trí lúc đó). Xem cht.69 kinh 738.

⁷³. S. 46.67 Asubha.

phước lợi lớn. Thế nào là tu Bất tịnh quán và khi tu tập nhiều rồi, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo ấy tu Bất tịnh quán song hành với Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 742. NIỆM TỬ TƯỞNG⁷⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết cùng Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,... cho đến Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 743. TỬ (1)⁷⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại ấp Hoàng chẩm⁷⁶ của dòng họ Thích. Bấy giờ, buổi sáng sớm, số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào ấp Hoàng chẩm khất thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ: ‘Nay còn rất sớm, chưa đến giờ khất thực. Chúng ta có thể ghé vào tinh xá ngoại đạo.’ Sau đó số đông các Tỳ-kheo liền vào tinh xá ngoại đạo,

⁷⁴. S.46.68 Marañā.

⁷⁵. S. 46.54 Mettam.

⁷⁶. Hoàng chẩm ấp 黃枕邑. Pāli: Koliyesu viharati haliddavasanaṁ nāma koliyānam nigamo, trú ở Koliya, tại Haliddavasana, một thị trấn của người Koliya.

cùng các xuất gia ngoại đạo chào hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi đối diện một bên. Các xuất gia ngoại đạo hỏi:

“Sa-môn Cù-dàm vì các đệ tử nói pháp như vậy: ‘Không đoạn trừ năm triền cái vốn làm phiền não tâm, tuệ lực suy yếu, là phần chướng ngại, không đưa đến Niết-bàn. Nếu khéo nghiệp tâm mình, an trụ bốn Niệm xứ, tâm câu hữu với Từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn, bốn phương, bốn duy, phương trên, phương dưới, tất cả thế gian. Tâm câu hữu với Từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn. Cũng vậy, tu tập tâm hợp với Bi, Hỷ, Xả cũng nói như vậy.’ Chúng tôi cũng vì các đệ tử nói như vậy. Vậy chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-dàm kia có những gì khác nhau? Nghĩa là cả hai đều nói pháp!”

Khi các Tỳ-kheo nghe những lời của các xuất gia ngoại đạo nói lòng không vui, im lặng, không chỉ trích, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào ấp Hoàng chẩm khất thực. Khất thực xong rồi trở về lại tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem những lời của các xuất gia ngoại đạo kia trình lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Theo những lời nói của các xuất gia ngoại đạo kia, các ông nên hỏi lại là: Tu tập Từ tâm lấy gì làm chỗ tối thắng?”⁷⁷ Tu tập Bi, Hỷ, Xả tâm lấy gì làm tối thắng? Khi được hỏi như vậy, của các xuất gia ngoại đạo kia trong lòng giật mình kinh hãi, hoặc nói quàng sang chuyện khác, hoặc nổi giận, khinh mạn, chê bai, phản đối, không nhẫn thọ, hoặc im lặng, buồn hiu, cúi đầu không nói lời nào, lặng lẽ tư duy. Vì sao? Vì Ta không thấy ai trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những điều Ta nói mà tùy thuận ưa thích, chỉ trừ Như Lai và chúng Thanh văn.

“Tỳ-kheo, tâm câu hữu với Từ, tu tập nhiều, tịnh là tối thắng”⁷⁸; Bi

⁷⁷. Bản Pāli:... bhāvitā... mettācetovimutti kiṃgatikā hoti kiṃparamā kiṃphalā kiṃpariyosanā, tu tập từ tâm giải thoát, hướng về đâu, cái gì là tối thắng, cái gì là kết quả, cái gì là cứu cánh?

⁷⁸. Pāli: subhaparamā mettācetovimutti.

tâm tu tập, tu tập nhiều, Không nhập xứ là tối thắng⁷⁹; Hỷ tâm tu tập, tu tập nhiều; Thức nhập xứ là tối thắng; Xả tâm tu tập, tu tập nhiều, Vô hữu nhập xứ là tối thắng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 744. TỪ (2)⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tu tập Từ tâm, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập Từ tâm sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo, tâm câu hữu với Từ, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập Xả giác phần, y vào viễn ly, y vào vô dục, y vào diệt hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 745. KHÔNG⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, khi tu tập nhiều rồi sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với Không nhập xứ, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

⁷⁹. Pāli: ākāsañcayatanaparamā kuruṇācetovimutti, bi tâm giải thoát, Không vô biên xứ là tối thắng.

⁸⁰. S. 46.62 Mettā.

⁸¹. S. 46.76 Nirodha.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như tu Không nhập xứ, cũng vậy ba kinh Thức nhập xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ cũng nói như trên.

**
*

KINH 746. AN-NA-BAN-NA NIỆM (1)⁸²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tu tập A-na-ban-na niệm⁸³, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với An-na-ban-na niệm, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả,... cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 747. VÔ THƯỜNG⁸⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tu Vô thường tưởng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Vô thường tưởng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm⁸⁵ câu hữu với Vô thường tưởng, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả,... cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả.”

^{82.} S. 46.66 Anāpāna.

^{83.} An-na-ban-na niệm 安 那 般 那 念. Pāli: anāpānassati, niệm hơi thở ra vào.

^{84.} S. 46.57-61 Aṭṭhika v.v.

^{85.} Trong bản: tâm khẩu 心 口, dư chữ khẩu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Nhu Vô thường tưởng, cũng vậy hai mươi kinh: Vô thường khổ tưởng, Khổ vô ngã tưởng, Quán thực tưởng, Tất cả thế gian không khả lạc tưởng, Tận tưởng, Đoạn tưởng, Vô dục tưởng, Diệt tưởng, Hoạn tưởng, Tư tưởng,⁸⁶ Bất tịnh tưởng, Thanh ú tưởng, Nùng nội tưởng, Phùng trướng tưởng, Hoại tưởng, Thực bất tận tưởng, Huyết tưởng, Phân ly tưởng, Cốt tưởng, Không tưởng, mỗi một kinh cũng nói như trên.



⁸⁶. Ấm Thuận y theo luận Du-già Sư Địa mà thêm vào.

TẬP A HÀM QUYỂN 28

KINH 748. NHẬT XUẤT¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó, là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ có tiền tướng là chánh kiến². Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh chí³, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được Chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh kiếp sau’.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 749. VÔ MINH (1)⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

¹. Ấn Thuận Hội Biên, “13. Tương ứng Thánh đạo phần”, gồm một trăm mười bốn kinh, số 968-1081 (Đại Chánh kinh 748-800). Quốc Dịch, quyển 25, tụng 5. Đạo tụng tiếp theo, “5. Tương ứng Thánh đạo”, kinh số 12449-12558, chia thành hai phẩm, phẩm 1 gồm một trăm kinh, toàn bộ quyển 25; phẩm 2, mười kinh, phần đầu quyển 26. Phần lớn tương đương Pāli, S.45 Maggasamyutta. Đại Chánh, quyển 28, kinh số 748. Pāli, 45.55. Yoniso.

². Bản Pāli, S.45.55: ariyassa atthaṅgikassa maggassa uppādāya etampubbaṅgamam etampubba-nimittam yadidam yonisomanasikārasampadā, trước khi Thánh đạo tám chi xuất hiện, có tiền tướng là sự thành tựu như lý, tác ý.

³. Pāli: yonisomanasikāra-sampannassetam bhikkhave bhikkhuno paṭīkaṅkham ariyam atthaṅgikam maggam bhāvessati, Tỳ-kheo thành tựu như lý, tác ý, hy vọng tu tập Thánh đạo tám chi.

⁴. S. 45.1 Āvijjā.

Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vô minh làm tiền tướng nên sanh ra các pháp ác bất thiện. Rồi theo đó sanh ra vô tàm, vô quý. Vô tàm, vô quý đã sanh ra rồi, theo đó sanh ra tà kiến. Tà kiến đã sanh ra rồi, có thể khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Nếu khởi lên minh làm tiền tướng sanh ra các pháp thiện, thì theo đó sanh ra tàm quý. Tàm quý đã sanh ra rồi, có thể sanh ra chánh kiến. Chánh kiến đã sanh ra rồi, sẽ theo thứ tự khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi sẽ được chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh vào đời sau’.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 750. VÔ MINH (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân

biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là chánh kiến. Chánh kiến hay khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Khi đã khởi lên chánh định rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau’.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 751. KHỞI⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc tà⁶, Ta sẽ không nói đến. Vì sao? Vì nếu người xuất gia hay tại gia mà còn khởi lên việc tà, thì không vui thích Chánh pháp. Những gì là việc tà? Đó là tà kiến... cho đến tà định.

“Nếu là người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc chánh, Ta sẽ tán thán. Vì sao? Vì người khởi lên việc chánh, là người vui thích Chánh pháp, thiện xảo nơi Chánh pháp. Những gì là việc chánh? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tại gia cùng xuất gia,
Mà khởi lên việc tà;
Người kia không vui thích
Chánh pháp tối vô thượng.

Tại gia cùng xuất gia,
Mà khởi lên việc chánh;
Thì tâm luôn vui thích,
Chánh pháp tối vô thượng.*

⁵. S. 45.24 Paṭipāda.

⁶. Tà sự 邪 事. Pāli: micchāpaṭipāda, sự thực hành tà vạy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 752. CA-MA⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tỳ-kheo Ca-ma⁸ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lě dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là dục; thế nào là dục?”

Phật bảo Ca-ma:

“Dục là chỉ cho năm công năng của dục. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt, đáng yêu, đáng thích ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi; xúc biết bởi thân thức đáng yêu, vừa ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là dục. Nhưng chúng không phải là dục, sự tham đắm nơi chúng, đó gọi là dục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Năm sắc tạp thế gian,
Tự chúng phi ái dục.
Cái giác tưởng tham dục,
Là dục của con người.
Các sắc thường ở đời,
Hành giả đoạn tâm dục.*

Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, có con đường đưa đến đoạn trừ ái dục này không?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có tám Thánh đạo, có thể đoạn trừ ái dục, đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Ca-ma nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁷. S. 45.30 Uttiya (Uttika).

⁸. Ca-ma 過摩. Bản Pāli: Uttiyo.

KINH 753. A-LÊ-SẮT-TRA⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra¹⁰ đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là cam lộ¹¹; thế nào gọi là cam lộ?”

Phật bảo A-lê-sắt-tra:

“Cam lộ là một danh thuyết của giới¹², nhưng Ta vì người đã đoạn tận hữu lậu mà hiện nói danh từ này.”

Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có con đường nào mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ được pháp cam lộ không?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có, đó là tám Thánh đạo phần: Từ chánh kiến... cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 754. XÁ-LỢI-PHẤT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nói là các tư cụ căn bản cho chánh tam-muội¹³

⁹. S. 45.7 Aññatara bhikkhu.

¹⁰. A-lê-sắt-tra 阿梨瑟吒. Pāli: Ariṭṭha.

¹¹. Cam lộ 甘露. Pāli: amata, sự bất tử.

¹². Hán: giới danh thuyết 界名說. Giới ở đây chỉ Niết-bàn giới. Pāli: nibbānadhātuyā adhivacanaṃ... amataṃ.

¹³. Hán: đẳng tam-muội 等三昧, tức chánh tam-muội hay chánh định. Pāli: sammāsamādhi.

của bậc Hiền thánh; thế nào là các tư cụ căn bản cho chánh tam-muội của bậc Hiền thánh?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Đó là Bảy chánh đạo phần, là căn bản, là các tư cụ cho chánh tam-muội của bậc Hiền thánh. Những gì là bảy? Là chánh kiến, chánh chí, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Này Xá-lợi-phất, sau khi lấy bảy Đạo phần này làm tác nghiệp căn cơ¹⁴ rồi, tâm được chuyên nhất; đó gọi là những tư cụ căn bản cho chánh tam-muội bậc Hiền thánh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 755.-757. TỲ-KHEO

Tôi nghe như vậy:

Như ba kinh trên, cũng vậy ba kinh Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như vậy.

**
*

KINH 758. ỦY¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sự sợ hãi của con không mẹ. Sự sợ hãi của con có mẹ. Đó là điều mà kẻ phàm ngu si không học, nói đến. Nhưng không hiểu gì về sự sợ hãi của con không mẹ, sự sợ hãi của con có mẹ.

“Này các Tỳ-kheo, có ba sự sợ hãi của con không mẹ¹⁶, mà phàm phu ngu si, không học đã nói. Những gì là ba? Này các Tỳ-kheo, khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước, bị sóng cuốn theo dòng, con thất lạc mẹ, mẹ thất lạc con. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ

¹⁴ Hán: cơ nghiệp 機 業. Pāli: kammatthāna: để mục thiền định.

¹⁵. A. 3.62 Bhaya.

¹⁶. Hán: vô mẫu tử úy 無 母 子 畏. Pāli: amātāputtika bhaya.

nhất, mà kẻ phàm ngu si, vô học nói.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi có hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, xóm làng; dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi là sự sơ hãi của con không mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, có một lúc trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi sự sơ hãi của con không mẹ thứ ba, mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

“Song tất cả những sự sơ hãi này là sự sơ hãi của con có mẹ, mà kẻ phàm ngu si, vô học lại nói là sự sơ hãi của con không mẹ. Khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước; mọi người bôn ba lưu lạc, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sơ hãi của con có mẹ thứ nhất mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sơ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, làng xóm, dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sơ hãi của con có mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sơ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi ở trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sơ hãi của con có mẹ thứ ba mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sơ hãi của con không mẹ.

“Này Tỳ-kheo, có ba thứ sơ hãi của con không mẹ mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết. Những gì là ba? Ngày Tỳ-kheo, khi người con già, không có người mẹ nào có thể nói: ‘Con, con chớ già, để mẹ sẽ thay con!’ Hoặc khi người mẹ già, cũng không có người con nào bảo: ‘Mẹ, mong mẹ chớ già! Con già thay mẹ cho!’ Đó gọi là cái sơ hãi của con không mẹ thứ nhất mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, khi người con bị bệnh, người mẹ không thể nói: ‘Con đừng bệnh! Mẹ sẽ thay con!’ Hoặc khi mẹ bị bệnh, con cũng không thể bảo: ‘Mẹ đừng bệnh, để con bệnh thay mẹ!’ Đó gọi là cái sơ hãi của con không mẹ thứ hai mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.

“Lại nữa, khi người con chết, người mẹ không thể nói: ‘Con,

đừng chết! Nay mẹ sẽ thay con!” Hoặc khi người mẹ chết, người con cũng không thể bảo: ‘Mẹ, đừng chết! Con sẽ thay mẹ!’ Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ ba mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Có đạo lộ nào, có hành trì nào¹⁷ để tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau không?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo lộ, có hành trì dẫn đến đoạn trừ được ba sự sợ hãi này. Những gì là đạo lộ? Những gì là hành trì mà tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau? Đó là tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 759. THQ¹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thọ, là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh. Những gì là ba? Đó là lạc thọ, khổ thọ, không lạc không khổ thọ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có đạo lộ, có hành trì nào để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này không?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, khi tu tập

¹⁷. Hán: hữu đạo, hữu tích 有 道, 有 跡. Pāli: atthi maggo, atthi paṭipādā.

¹⁸. S. 45.29 Vedanā.

nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 760. TAM PHÁP¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế-Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đời có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Ba điều này không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Ở thế gian nếu không có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, thì không có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; và thế gian cũng chẳng có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai. Vì thế gian có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian và thế gian biết có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này không?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp,

¹⁹. A. 10. 76 Abhabba.

chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 761. HỌC²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về Học²¹ và Vô học. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Thế là Học? Học thành tựu chánh kiến, học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Học. Những gì là Vô học? Vô học thành tựu chánh kiến, Vô học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Vô học.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Học và Vô học, cũng vậy Đại sĩ và Chánh sĩ cũng nói như vậy.

**
*

KINH 762. LẬU TẬN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về Thánh lậu tận. Sao gọi là Thánh lậu tận? Vô học thành tựu chánh kiến,... cho đến không còn Học thành tựu chánh định. Đó gọi là bậc Thánh lậu tận.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

²⁰. S. 45.13 Sekho.

²¹. Học 學. Hay hữu học, chỉ các Thánh giả dưới quả A-la-hán. Pāli: sekha.

KINH 763. TÁM THÁNH ĐẠO PHẦN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Đó là Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 764. TU (1)²²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về sự tu tập tám Thánh đạo. Hãy lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Tu tập tám Thánh đạo là thế nào? Tỳ-kheo tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, đều y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Đó gọi là tu tám Thánh đạo.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 765. TU (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về Tỳ-kheo đã tu tập tám Thánh đạo trong quá

²². S. 45.51 Uppāda.

khứ, sẽ tu tập tám Thánh đạo trong vị lai, chi tiết cho đến, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

**
*

KINH 766. THANH TỊNH²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, đối với chánh kiến thanh tịnh, tráng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa khởi sẽ không khởi, trừ phi có sự điều phục của Phật... cho đến chánh định cũng nói như vậy.

“Nếu đối với chánh kiến thanh tịnh, tráng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa khởi có thể khởi... cho đến chánh định cũng nói như vậy²⁴. ”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như chỉ trừ những gì Phật đã điều phục, cũng vậy chỉ trừ những gì Thiện Thệ đã điều phục cũng nói như trên.

**
*

KINH 767. TỰ²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói tự bất thiện tức chỉ cho năm triền cái. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tự chỉ thuần bất thiện, đó là năm triền cái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân khuếch, thùy miên, trạo hối và nghi cái.

“Nói tự thiện, tức chỉ cho tám Thánh đạo. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tự chỉ thuần đầy pháp thiện, đó là tám Thánh đạo. Những gì là

²³. S.45.16-17 Parisuddha.

²⁴. Xem kinh 731.

²⁵. A. 5.52 Rāsi.

tâm? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 768. BÁN²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Sơn cốc²⁷, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở nơi chỗ vắng, tự nghĩ như vậy: “Một nửa phạm hạnh, tức là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng²⁸... cho đến Phật bảo A-nan:

“Phạm hạnh viên mãn, thuần nhất thanh tịnh, tức là thiện tri thức. Vì sao? Vì Ta là thiện tri thức nên khiến cho các chúng sanh tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... cho đến tu chánh định, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 769. BÀ-LA-MÔN²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm, đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn³⁰, đi xe ngựa trắng, cùng với đoàn tùy tùng số đông thanh niên, đi ngựa trắng, xe trắng,

²⁶. S. 45.2 Upaḍḍham.

²⁷. Sơn cốc tinh xá 山谷精舍; Pāli: Giribaja. Bản Pāli: Sakyesu viharati nagarakām nāma sakyānam nigamo, ở giữa những người Thích-ca, tại Nagaraka, một thị trấn của những người Thích-ca.

²⁸. Xem kinh 726.

²⁹. S. 45.4 Brāhmaṇa.

³⁰. Sanh Văn Bà-la-môn 生聞婆羅門. Pāli: Jāṇusonī-brāhmaṇa.

dàm ngựa trắng, roi trắng, đầu đội mao trắng, dù lọng trắng; tay cầm phất trắng, mặc y phục trắng, đeo anh lạc trắng, dùng hương trắng thoa mình, tùy túng đều mặc đồ trắng, ra khỏi thành Xá-vệ, muốn vào rừng để truyền dạy đọc tụng. Mọi người trông thấy vậy đều bảo: ‘Xe tốt, xe tốt! Đó là xe của Bà-la-môn.’

Sau khi Tôn giả thấy Bà-la-môn, cùng với các quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng như vậy rồi, thì vào thành khất thực, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật; cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực, thấy Bà-la-môn Sanh Văn đi xe ngựa trắng, cùng quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng, được mọi người khen rằng: ‘Xe tốt, xe tốt! Đó là xe của Bà-la-môn.’ Thế nào Thế Tôn! Đối với Chánh pháp luật, thì đó là xe của người đời, hay là xe của Bà-la-môn?”

Phật bảo A-nan:

“Đó là xe của người đời, chứ chẳng phải xe Pháp luật của Ta, hay xe của Bà-la-môn. Nay A-nan, xe Chánh pháp luật của Ta, xe của trời, xe của Bà-la-môn, xe lớn là có khả năng điều phục quân ma phiền não. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói:

“Này A-nan, những gì là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân ma phiền não? Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. A-nan, đó gọi là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân phiền não.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tín, giới là cái ách,
Tâm quý là vòng cổ;
Chánh niệm khéo hộ trì,
Là người khéo điều khiển.
Xả, tam-muội: càng xe,
Trí, tinh tấn bánh xe;
Nhẫn, vô trước: giáp sắt,
An ổn, đi đúng pháp.
Tiến thẳng không thoái lui,*

*Vĩnh viễn không chõ lo;
Người trí đi chiến xa,
Dẹp kẻ thù vô trí.*

**
*

KINH 770. TÀ³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên xa lìa tà kiến, nên đoạn trừ tà kiến. Nếu tà kiến mà không thể đoạn trừ được, thì Ta đã không bao giờ nói nên xa lìa tà kiến. Vì tà kiến có thể đoạn trừ được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy xa lìa tà kiến. Nếu không xa lìa tà kiến, thì tà kiến sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích. Cho nên Ta nói hãy xa lìa tà kiến. Cũng vậy tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, khi xa lìa tà kiến rồi, nên tu tập chánh kiến. Nếu chánh kiến tu không được, Ta đã không bao giờ nói tu tập chánh kiến. Vì tu tập chánh kiến được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu không tu tập chánh kiến, thì sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa không lợi ích. Vì không tu tập chánh kiến tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích, cho nên Ta nói phải tu tập chánh kiến, vì mục đích lợi ích, luôn được an lạc. Cho nên Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 771. BỈ NGẠN³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn, đến chõ Phật, cùng diện kiến

³¹. S. 45.21 Micchatta.

³². S. 45.34 Pāraṅgama.

thăm hỏi, ủy lạo; sau khi thăm hỏi ủy lạo xong, rồi ngồi lui qua một bên bờ. Phật rắng:

“Thưa Cù-đàm, nói là chẳng phải bờ bên kia, cùng bờ bên kia. Vậy, thế nào là chẳng phải bờ bên kia và thế nào là bờ bên kia?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tà kiến là chẳng phải bờ bên kia; chánh kiến là bờ bên kia. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niêm, tà định là chẳng phải bờ bên kia. Chánh kiến là bờ bên kia; cũng vậy chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm, chánh định là bờ bên kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rắng:

*Người đời thật ít ai,
Vượt qua bờ bên kia.
Hết thảy các thế gian,
Quanh quẩn dạo bờ này.
Nơi Chánh pháp luật này,
Nếu ai khéo tùy thuận;
Thì có thể vượt bờ,
Bờ sanh tử khó vượt³³.*

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 772–774

Ba kinh này cũng vậy: Có Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan hỏi Phật, hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên.

**
*

KINH 775. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (1)³⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

^{33.} Bài kệ, xem Dham.85-86.

^{34.} S. 45. 76, 83 Yonisa.

Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và tăng trưởng, như nói về không chánh tư duy³⁵. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì tà kiến chưa khởi khiến khởi, đã khởi rồi tái sanh khiến tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi khiến cho diệt, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì tà kiến chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt. Như tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 776. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, không sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho thoái thất như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì chánh kiến chưa sanh, khiến cho không sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến cho thoái thất. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho thoái thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo chánh tư duy, thì chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh

³⁵. Bất chánh tư duy 不 正 思 惟. Pāli: ayoniso manasikāra, không như lý tác ý.

kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 777. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (3)³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi khiến thoái thất, đó là không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất. Cũng vậy, tà chí, tà ngũ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh chí, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào là pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì sẽ khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngũ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà

³⁶. Xem các kinh 775, 776, 777.

niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh chí, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 778. THIỆN ÁC TRI THỨC (1)³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh lại sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngũ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt, như nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến diệt. Cũng vậy, tà chí, tà ngũ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến diệt.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

³⁷. S. 45. 77 Kalyāṇamitta.

KINH 779. THIỆN TRI THỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy túng có thể khiến cho chánh kiến chưa sanh, sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngũ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 780. THIỆN ÁC TRI THỨC (2)³⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt, như đã nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy túng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh, khiến thoái thất. Cũng vậy, tà chí, tà ngũ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng

³⁸. Xem kinh 778.

trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến diệt; hay pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm trăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến diệt; hay chánh kiến chưa sanh, khiến sanh; chánh kiến đã sanh, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi khiến cho diệt; hay chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 781. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay pháp thiện chưa sanh, không cho sanh, đã sanh rồi khiến thoái thất, như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, có thể khiến tà kiến chưa sanh, sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến thoái thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; hay pháp thiện chưa

sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đã nói về tà kiến và chánh kiến. Cũng vậy bảy kinh nói về tà chí, chánh chí; tà ngũ, chánh ngũ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà phương tiện, chánh phương tiện; tà niệm, chánh niệm; tà định, chánh định cũng nói như trên. Như tám kinh nói về nội pháp. Cũng vậy, tám kinh nói về ngoại pháp cũng nói như vậy.

**
*

KINH 782. PHI PHÁP THỊ PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp sai và pháp đúng³⁹. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là pháp sai, là pháp đúng? Tà kiến là pháp sai; chánh kiến là pháp đúng... cho đến tà định là pháp sai; chánh định là pháp đúng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phi pháp và Thị pháp. Cũng vậy, Phi luật và Chánh luật, Phi Thánh và Thị Thánh, Bất thiện pháp và Thiện pháp, Phi tập pháp và Tập pháp, Phi thiện tai pháp và Thiện tai pháp, Hắc pháp và Bạch pháp, Phi nghĩa và Chánh nghĩa, Ty pháp và Thắng pháp, Hữu tội pháp và Vô tội pháp, Ưng khử pháp và Bất khử pháp, kinh nào cũng đều nói như trên.

**
*

³⁹. Hán: phi pháp, thị pháp 非 法, 是 法.

KINH 783. ĐOẠN THAM⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cù-sư-la tại Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Lúc ấy có Bà-la-môn đến chỗ Tôn giả cùng thăm hỏi và khích lệ nhau. Sau khi thăm hỏi và khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để ký thuyết cho không?”

A-nan đáp rằng:

“Theo những gì ông hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Bà-la-môn hỏi:

“Vì sao xuất gia tu phạm hạnh ở chỗ Sa-môn Cù-dàm?”

A-nan đáp:

“Này Bà-la-môn, vì muốn cắt đứt.”

Lại hỏi:

“Cắt đứt những gì?”

Đáp rằng:

“Cắt đứt tham dục, cắt đứt sân nhuế, ngu si.”

Lại hỏi:

“Tôn giả A-nan, có con đường, dấu tích nào có thể cắt đứt tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

A-nan đáp rằng:

“Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm, chánh định.”

Bà-la-môn nói:

“Tôn giả A-nan, quý tốt thay con đường đó, quý tốt thay dấu tích ấy, khi tu tập, tu tập nhiều có thể cắt đứt những thứ tham dục, nhuế, si ấy.”

Khi Tôn giả A-nan nói pháp này, Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

^{40.} S. 45.5 Kimattha.

*Như cắt đứt tham, nhuế, si; cũng vậy, điều phục tham, nhuế, si và
đắc Niết-bàn, cùng yểm ly và chẳng đến Niết-bàn, cùng nghĩa Sa-môn
và nghĩa Bà-la-môn, cùng giải thoát và cắt đứt khổ, cùng cứu cánh mé
khổ và chánh thức hết khổ, kinh nào cũng đều nói như trên.⁴¹*

**

KINH 784. TÀ CHÁNH⁴²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là tà? Là chỉ cho tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chỉ cho chánh kiến... cho đến chánh định.

“Thế nào là chánh kiến? Là nói có bố thí, có chủ thuyết, có trai tự⁴³, có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh⁴⁴, có A-la-hán thiện đáo⁴⁵, thiện hướng⁴⁶, tự tri tự tác chứng đời này và đời khác, thành tựu và an trú, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh đời sau’.⁴⁷”

“Thế nào là chánh chí? Là chỉ cho xuất yếu chí, vô nhuế chí, bất hại chí⁴⁸.

“Thế nào là chánh ngữ? Là xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời thêu dệt.

⁴¹. Tóm tắt có mười kinh.

⁴². S. 45.21 Micchatta. Cf. S.45.8 Vibhaṅga.

⁴³. Hán: thí, thuyết, trai 線, 說, 齋. Pāli: dinnam, yittham, hutam.

⁴⁴. Hán: chúng sanh sanh 衆 生 生. Pāli: sattā opapātikā.

⁴⁵. Hán: thiện đáo 善 到. Pāli: sammaggata, chân chánh đi (ra khỏi thế gian).

⁴⁶. Hán: thiện hướng 善 向. Pāli: sammāpaṭippanna, chân chánh hướng (đến Niết-bàn).

⁴⁷. Bản Pāli: katamā... sammādīṭṭhi? yaṃ... dukkhe nānam, thế nào là chánh kiến? Nhận thức về khổ...

⁴⁸. Pāli: katamo...sammāsaṅkappo? yo kho... nekkammasaṅkappo avyāpādadsaṅkappo avihimsāsaṅkappo, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về xuất ly, tư duy về không thù hận, tư duy về không bạo hại.

“Thế nào là chánh nghiệp? Là lìa sát, đạo, dâm.

“Thế nào là chánh mạng? Là cầu y phục, ẩm thực, ngoại cù thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp.

“Thế nào là chánh phương tiện? Là dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham nǎng, luôn thực hành không lùi bước.

“Thế nào là chánh niệm? Là nhớ nghĩ không đổi không hư, luôn tùy thuận.

“Thế nào là chánh định? Là trụ tâm không loạn, kiên cố nghiệp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 785. QUẢNG THUYẾT BÁT THÁNH ĐẠO⁴⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: Có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ⁵⁰, chuyển hướng cõi thiện⁵¹; có chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ⁵².

“Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bối thí, có chủ thuyết... cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau⁵³. Đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

⁴⁹. Cf. M. 117 Mahācattārisakasutta. Cf. N°26(189).

⁵⁰. Hán: thủ 取, ở đây, Pāli: upadhi, sanh y, hay hữu y, tức sở y của tái sanh.

⁵¹. Cf. Pāli, M.111: atthi bhikkhave sammāditthi sāsavā puññabhaṇḍayā upadivepakkhā, có chánh kiến là hữu lậu, thuộc phần phước nghiệp, đưa đến hữu y.

⁵². Pāli: atthi bhikkhave sammāditthi ariyā anāsavā lokuttarā maggaṅgā, có chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, xuất thế gian, thành phần của Đạo.

⁵³. Xem kinh 784.

“Thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tương ứng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiết tuệ, quán sát tò ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh chí? Chánh chí có hai loại: Có chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Chánh chí giác tri về xuất yếu, giác tri về vô nhuế, giác tri về bất hại; đó gọi là chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tâm pháp tương ứng với tư duy vô lậu, phân biệt, tự quyết, ý giải, suy tính, lập y. Đó gọi là chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Có loại chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, trừ tà mang, niêm tưởng xa lìa bốn ác hạnh của miệng và các ác hạnh khác của miệng, xa lìa các ác hành ấy; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nghiệp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua

giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Có loại chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Xa lìa sát, đạo, dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, trừ tà mạng, nhớ đến ba ác hạnh nơi thân và các thứ ác hạnh khác nơi thân; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nghiệp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: Có loại chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh mạng thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; đối với các tà mạng, vô lậu, không thích đắm trước cõi thủ, giữ gìn không phạm, không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh phương tiện? Chánh phương tiện có hai loại: Có chánh phương tiện thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng

cõi thiện; có chánh phương tiện thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh phương tiện thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác, tinh tấn, nghiệp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh phương tiện thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ứng với ức niêm vô lậu, dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác, tinh tấn, nghiệp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh niêm? Chánh niêm có hai loại: Có chánh niêm thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh niêm thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh niêm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Hoặc niêm, hoặc tùy niêm, hoặc trùng niêm, hoặc ức niêm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niêm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh niêm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ứng với tư duy vô lậu, hoặc niêm, hoặc tùy niêm, hoặc trùng niêm, hoặc ức niêm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niêm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh định? Chánh định có hai: Có chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh định thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng

đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nghiệp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ứng với tư duy vô lậu, an trụ không loạn không tán, nghiệp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 786. HƯỚNG TÀ⁵⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tâm hướng theo tà, là trái nghịch với pháp, không vui thích nơi pháp⁵⁵. Nếu hướng theo chánh, là không trái với pháp, tâm vui thích pháp. Những gì là tà? Tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chánh kiến... cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 787. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN (1)⁵⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁴. A. 10.103 Micchatta.

⁵⁵. Pāli: micchattam bhikkhave āgamma virādhanā hoti no ārādhanā, do đi theo tà, nên nghịch ý, không phải thích ý.

⁵⁶. A. 10.104 Bija.

“Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp⁵⁷.

“Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niêm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niêm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phuơng tiện, tà niêm, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái lại với pháp, không ưa thích pháp.

“Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niêm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niêm, khả ý. Vì sao? Vì kiến chân chánh, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phuơng tiện, chánh niêm, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 788. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN (2)⁵⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp⁵⁹.

“Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niêm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành

^{57.} Xem kinh 786.

^{58.} Xem kinh 787.

^{59.} Xem kinh 786.

vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niêm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phuơng tiện, tà niêm, tà định. Thí như hạt giống quả đắng đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xối, tưới tiêu cho nó, thì vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả đều mang vị đắng. Vì sao? Vì hạt giống đắng. Cũng vậy, người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niêm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niêm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, cho đến, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp.

“Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niêm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niêm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, cho đến, chánh định. Thí như giống mía ngọt, lúa mì, nho, đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xối, tưới tiêu cho nó, thì khi nó gặp vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả những vị này cũng đều trở thành ngon ngọt. Vì sao? Vì hạt mầm ngọt. Cũng vậy, người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niêm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niêm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, cho đến, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như ba kinh trên, thế gian và xuất thế gian cũng nói như vậy và cũng nói kệ rằng:

*Không nên gần pháp ác,
Không nên hành buông lung;
Không nên tập tà kiến,
Tăng trưởng nơi thế gian.*

*Giả sử có thế gian,
Người chánh kiến tăng thượng;
Dù trải trăm ngàn tuổi,
Quyết không vào đường ác.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 789. SANH VĂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi ân cần xong, ngồi sang qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, gọi là chánh kiến; thế nào là chánh kiến?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chánh kiến có hai: Có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành; có loại chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí, có chú thuyết... cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau⁶⁰. Này Bà-la-môn, đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Bà-la-môn, thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tương ứng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiết tuệ, quán sát tò ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

⁶⁰. Xem kinh 784.

Sau khi Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Như Chánh kiến. Cũng vậy, Chánh chí, Chánh ngũ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định, kinh nào cũng nói như trên.

**
*

KINH 790. TÀ KIẾN (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà và tà đạo, có chánh và chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là tà kiến... cho đến tà định.

“Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 791. TÀ KIẾN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà, có tà đạo; có chánh, có chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến.

“Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời thêu

dết, không tham, không nhuế và chánh kiến.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 792. TÀ KIẾN (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Những gì là ác thú đạo? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-ia-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.” *Ngoài ra đều nói như trên.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 793. THUẬN LƯU NGHỊCH LƯU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có đường thuận dòng, có đường nghịch dòng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là đường thuận dòng? Đó là tà kiến... cho đến tà định. Những gì là con đường nghịch dòng? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như thuận dòng và nghịch dòng. Cũng vậy, đường thoái và đường tiến, đường xuống và đường lên, cùng ba kinh Đạo tích, cũng nói như trên.

**
*

KINH 794. SA-MÔN SA-MÔN PHÁP⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Sa-môn và pháp Bà-la-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo: Từ chánh kiến... cho đến chánh định. Thế nào là Sa-môn? Nếu người nào thành tựu pháp này. Đó gọi là Sa-môn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 795. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN NGHĨA⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn và nghĩa Sa-môn. Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Thế nào là nghĩa Sa-môn? Tham dục đã vĩnh viễn trừ hết; sân khuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ hết; tất cả mọi phiền não vĩnh viễn tận trừ. Đó gọi là nghĩa Sa-môn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 796. SA-MÔN SA-MÔN QUẢ⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

⁶¹. S. 45.36 Sāmañña.

⁶². S. 45.36 Sāmañña.

⁶³. S. 45.35 Sāmañña.

Xá-vệ.. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-dà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.



TẠP A HÀM QUYỂN 29

KINH 797. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN QUẢ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn² và quả Sa-môn³. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-dà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

“Thế nào là quả Tu-dà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 798. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN NGHĨA⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn, Sa-môn và nghĩa Sa-môn⁵. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là Sa-môn? Người thành tựu

¹. Quốc Dịch, quyển 26, tụng 5. Đạo tụng tiếp theo, “5. Tương ứng Thánh đạo, phẩm 2”. Đại Chánh, quyển 29, kinh số 797. –Pāli, S. 45.35. Sāmañña.

². Sa-môn pháp 沙門 法. Pāli: sāmañña.

³. Sa-môn quả 沙門 果. Pāli: sāmaññaphala.

⁴. Pāli, S. 45.36. Sāmañña.

⁵. Sa-môn nghĩa 沙門 義. Pāli: sāmaññattha.

pháp Sa-môn này. Những gì là nghĩa Sa-môn? Đã đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, si mê; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các phiền não.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 799. SA-MÔN QUẢ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Có quả Sa-môn. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 800. BÀ-LA-MÔN⁶

Cũng vậy, pháp Bà-la-môn, Bà-la-môn, nghĩa Bà-la-môn, quả Bà-la-môn; pháp phạm hạnh, người phạm hạnh, nghĩa phạm hạnh, quả phạm hạnh, đều nói như trên.

**
*

KINH 801. NGŪ PHÁP⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶. Pāli, 45. 37. Brahmañña; 30-40. Brahmacariya.

⁷. Quốc Dịch, quyển 26, Tụng 5. Đạo tụng, Tương ứng 6. An-na-ban-na, gồm mười tám kinh, kinh số 12559-12576; một phẩm duy nhất. Ān Thuận Hội Biên, Tụng 4. Đạo phẩm, Tương ứng 14. An-na-ban-na niệm, gồm hai mươi hai kinh, kinh số 1082-1103. Phần lớn tương đương Pāli, S. 54. Ānāpānasamṛ̥yutta. Đại Chánh quyển 29, kinh số 801-815. Phật Quang quyển 29, kinh số 813-827.

“Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi hành xử đầy đủ; đối với những tội vi tế hay sanh lòng sơ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ít muối, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nào ăn uống biết lường, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sanh ra tư tưởng ham muối; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng hoang vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 802. AN-NA-BAN-NA NIỆM (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu An-na-ban-na niệm. Nếu Tỳ-kheo tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ túc và tâm chỉ túc, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 803. AN-NA-BAN-NA NIỆM (3)⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu tập An-na-ban-na niệm. Nếu Tỳ-kheo tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ. Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ? Tỳ-kheo, nương vào xóm làng, thành ấp mà ở; sáng sớm đắp y, mang bát, vào thôn khất thực, nên khéo hộ trì thân, giữ gìn các căn, khéo cột tâm an trụ; khất thực xong trở về chỗ ở, cất y bát, rửa chân xong, hoặc vào trong rừng, trong phòng vắng, dưới bóng cây, hoặc nơi đất trống, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm trước mặt, cất đứt mọi tham ái thế gian, ly dục thanh tịnh, đoạn trừ sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi, vượt qua các nghi hoặc, đối với các pháp lành, tâm được quyết định; viễn ly năm triền cái vốn làm phiền não tâm, khiến tuệ lực suy giảm, là phần chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn.

“Niệm hơi thở vào⁹, cột niệm, hãy khéo học. Niệm hơi thở ra¹⁰, cột niệm, hãy khéo học. Hơi thở dài¹¹, hơi thở ngắn¹². Cảm giác biết toàn thân khi thở vào, khắp toàn thân thở vào, hãy khéo học¹³; cảm giác biết toàn thân khi thở ra, khắp toàn thân thở ra, hãy khéo học. Giác tri tất cả sự an tĩnh của tất cả thân hành khi thở vào¹⁴, tất cả

^{8.} Pāli, S.54.1. Ekadhamma. Cf. N°101(15).

^{9.} Hán: nội tức 内 息. Pāli: passasati, thở vào.

^{10.} Hán: ngoại tức 外 息. Pāli: assasati, thở ra.

^{11.} Hán: tức trường 息 長. Pāli: dīghām vā assasanto dīghām assasāmī' ti pajānāti, trong khi thở ra dài, biết rằng “Tôi đang thở ra dài”.

^{12.} Hán: tức ngắn 息 短. Pāli: rassām vā assasanto rassām assasāmī' ti pajānāti, trong khi thở ra ngắn, biết rằng “Tôi đang thở ra ngắn”.

^{13.} Pāli: sabbakāyapaṭisampvedī passasissāmī' ti sikkhati, vì ấy học tập rằng, “cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vào”.

^{14.} Hán:... nhất thiết thân hành tức xuất tức 一 切 身 行 息 出 息. Pāli: passambhayām kāyasamkhāram assasissāmī' ti sikkhati, vì ấy học tập rằng, “thân hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào”.

thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học; giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở ra, tất cả thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học. Giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành¹⁵, giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở vào, giác tri tâm hành an tịnh thở vào, hãy khéo học¹⁶. Giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở ra, giác tri tâm hành an tịnh thở ra, hãy khéo học. Giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát khi thở vào¹⁷, giác tri tâm giải thoát thở vào, hãy khéo học. Giác tri tâm giải thoát khi hơi thở ra, giác tri tâm giải thoát thở ra, hãy khéo học. Quán sát vô thường, quán sát đoạn, quán sát vô dục, quán sát diệt¹⁸ khi hơi thở vào, quán sát diệt thở vào, phải khéo học. Quán sát diệt khi hơi thở ra, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tướng, tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 804. ĐOẠN GIÁC TƯỞNG¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu An-na-ban-na niệm tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập

¹⁵. Hán: giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành 覺知喜, 覺知樂, 覺知心行. Pāli: pītippaṭisamvēdi..., sukhappaṭisamvēdi..., cittasaṃkhārappaṭisamvēdi...

¹⁶. Hán:... tâm hành tức nhập tức... 心行息入息. Pāli: passambhayam cittasaṃkhāram passasissāmīti sikkhati, vị ấy học rằng, “tâm hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào.”

¹⁷. Giác tri tâm, giác tri tâm duyệt, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát 覺知心, 覺知心悅, 覺知心定, 覺知心解脫. Pāli: cittappaṭisamvēdi..., abhippamodayam cittam..., samādaham cittam..., vimocayam cittam...,

¹⁸. Hán: quán sát vô thường... đoạn... vô dục... diệt 觀察無常, 觀察斷, 觀察無欲, 观察滅. Pāli: aniccānupassī... virāgānupassī... nirodhānupassī... paṭinissaggānupassī, quán vô thường, quán ly dục, quán diệt, quán xả ly.

¹⁹. Pāli, S. 54. 2-5. Bojjhaṅga,v.v...

nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng. Thế nào tu tập An-na-ban-na niêm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng? Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, nói đầy đủ như trên... cho đến khéo học đối với việc quán sát diệt khi hơi thở ra. Đó gọi là tu tập An-na-ban-na niêm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn trừ giác tưởng, cũng vậy không dao động, được quả lớn, phước lợi lớn; cũng vậy được cam lô, cứu cánh cam lô và được hai quả, bốn quả, bảy quả, kinh nào cũng nói như trên.²⁰

**
*

KINH 805. A-LÊ-SẮT-TRA²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như An-na-ban-na niêm mà Ta đã giảng dạy, các ông có tu tập không?”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra, đang ngồi ở trong chung, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã tu tập An-na-ban-na niêm mà Thế Tôn đã giảng dạy.”

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

“Ông tu tập thế nào An-na-ban-na niêm mà Ta đã giảng dạy?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đối các hành quá khứ con không luyến tiếc, các hành vị lai không sanh ra hoan lạc, đối với các hành hiện tại không sanh ra đốm nhiễm; khéo chân chánh trừ diệt những tưởng về đối ngại²² bên trong

²⁰. Tóm tắt có bảy kinh.

²¹. Pāli, S. 54.6. Ariṭṭha.

²². Hán: ư nội ngoại đối ngại tưởng 於內外對礙想. Pāli: ajjhattam bahidhā ca dhammesu paṭighasañña, tri giác tưởng về tính đối ngại (tính đối kháng của vật chất, cũng có nghĩa sự sân hận) nơi các pháp nội và ngoại.

và bên ngoài. Con đã tu tập An-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-trá:

“Ông thật sự đã tu An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, chứ chẳng phải không tu. Song có Tỳ-kheo đối với chỗ tu tập An-na-ban-na niệm của ông lại còn có phần vi diệu hơn, vượt trội hơn. Những gì là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm tu tập? Tỳ-kheo nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, như đã nói ở trên... cho đến, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Nay Tỳ-kheo A-lê-sắt-trá, đó gọi là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm mà ông tu tập.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 806. KẾ-TÂN-NA²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Hôm ấy, vào sáng sớm Đức Thế Tôn đắp y, bưng bát, vào thành Vương xá khất thực. Ăn xong, trở về tịnh xá, cất y bát, rửa chân xong, mang Ni-sư-đàn vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, thiền tịnh ban ngày.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Kế-tân-na, cũng vào sáng sớm, đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Xong, trở về cất y bát, rửa chân xong, mang Ni-sư-đàn vào rừng An-đà ngồi thiền tịnh dưới một bóng cây cách Đức Phật không xa; thẳng người bất động, thân tâm chánh trực, tư duy thẳng diệu.

Vào buổi chiều hôm ấy, có số đông các Tỳ-kheo sau khi từ thiền tịnh tĩnh giắc, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu dảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy Tôn giả Kế-tân-na không? Cách Ta không xa,

²³. Pāli, S. 54.7. Kappina.

vị đó đang ngồi ngay thẳng trang nghiêm, thân tâm bất động, an trú thẳng diệu trú²⁴.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chúng con thường xuyên thấy Tôn giả này ngồi thẳng trang nghiêm, khéo thu nhiếp thân mình không lay không động, chuyên tâm thẳng diệu.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, tu tập tam-muội, thân tâm an trụ, không lay không động, trụ vào thẳng diệu, thì Tỳ-kheo này sẽ đạt được tam-muội này mà không cần đến phương tiện, tùy theo ý muốn liền có được.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tam-muội gì mà Tỳ-kheo đạt được tam-muội này thì thân tâm bất động, an trú thẳng diệu trụ?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm mà ở, sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực, ăn xong trở về tinh xá cất y bát, sau khi rửa chân xong, vào ngồi trong rừng, hoặc nơi phòng vắng, đất trống, cột niêm tư duy... cho đến, quán sát diệt, thở ra, phải khéo học. Đó gọi là Tam-muội, nếu Tỳ-kheo nào ngồi trang nghiêm suy tư, thân tâm sẽ bất động, an trú thẳng diệu trụ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 807. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la²⁶. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁴. Pāli: neva kayassa iñjitaṁ vā hoti phanditaṁ vā, na cittassa iñjitaṁ vā hoti phanditaṁ vā, thân không dao động, không khuynh động; tâm không dao động, không khuynh động.

²⁵. Pāli, S. 54.11. Icchānaṅgala.

²⁶. Nhất-xa-năng-già-la — 奢能伽羅. Pāli: Icchānaṅgala.

“Ta muốn tọa thiền trong vòng hai tháng. Các Tỳ-kheo chớ nên tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và khi bố-tát.”

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong, liền ở lại đây hai tháng²⁷ để thiền tọa, không một Tỳ-kheo nào dám tới lui, chỉ trừ lúc đưa thức ăn và bố-tát.

Bấy giờ, sau khi trải qua hai tháng thiền tọa xong, Ngài từ thiền tịnh tĩnh giắc, ngồi trước Tỳ-kheo Tăng; bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có những xuất gia ngoại đạo nào đến hỏi các ông: ‘Sa-môn Cù-đàm trong hai tháng tọa thiền gì?’ Thì các ông nên đáp rằng: ‘Trong hai tháng Như Lai bằng An-na-ban-na niệm an trú trong thiền tịnh tư duy. Vì sao? Vì suốt trong hai tháng này Ta luôn luôn an trú tư duy nhiều nơi niệm An-na-ban-na. Khi hơi thở vào, biết như thật niệm hơi thở vào; khi hơi thở ra, biết như thật niệm hơi thở ra. Hoặc dài, hoặc ngắn. Cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở vào; cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở ra. An tịnh thân hành, biết như thật niệm hơi thở vào;... cho đến, diệt, biết như thật hơi thở ra. Sau khi Ta đã biết, bấy giờ, Ta tự nghĩ: ‘Ở đây vẫn còn trụ tư duy thô. Nay Ta sau khi định chỉ tư duy này, hãy tu thêm các tu tập vi tế khác mà an trú.’”

“Rồi, Ta sau khi định chỉ tư duy thô, liền nhập tư duy vi tế và an trú nhiều nơi đó mà an trú. Khi đó có ba vị Thiên tử, tướng mạo rất tuyệt diệu, sáng sớm, ra đi đến chỗ Ta. Một Thiên tử nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm đã đến thời²⁸.’ Lại có một Thiên tử nói: ‘Đây chẳng phải đã đến thời, mà sắp đến.’ Vị Thiên tử thứ ba nói: ‘Chẳng phải đã đến thời, cũng chẳng phải sắp đến, mà đây là an trú tu tập. Đây là sự tịch diệt của vị A-la-hán²⁹ vậy’.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có chánh thuyết nào về Thánh trụ³⁰, Thiên trụ³¹, Phạm trụ³²,

²⁷. Hán: nhị nguyệt 二月. Pāli: temāsaṃ, ba tháng.

²⁸. Hán: thời đáo 時到. Có lẽ Pāli: kālagata, chết.

²⁹. Trong bản: A-la-ha tịch diệt 阿羅訶寂滅.

³⁰. Thánh trụ 聖住; Pāli: ariyavihāra.

³¹. Thiên trụ 天住; Pāli: dibbavihāra.

³². Phạm trụ 梵住; Pāli: brahmavihāra.

Học trụ³³, Vô học trụ³⁴, Như Lai trụ³⁵; và hiện pháp lạc³⁶ trụ của Thánh nhân vô học mà hàng hữu học chưa được sē được, chưa đến sē đến, chưa chứng sē chứng; đó là nói về An-na-ban-na niệm. Đây là chánh thuyết. Vì sao? Vì An-na-ban-na niệm là Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ... cho đến Vô học hiện pháp lạc trú.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 808. CA-MA³⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn cây Ni-câu-luật tại Ca-tỳ-la-việt³⁸. Bấy giờ có Ma-ha-nam dòng họ Thích³⁹ đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Ca-ma⁴⁰, đánh lẽ dưới chân Tỳ-kheo Ca-ma, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tỳ-kheo Ca-ma rằng:

“Thế nào, Tôn giả Ca-ma, có phải bậc Học trụ⁴¹ tức là Như Lai trụ⁴² không? Hay Học trụ khác, Như Lai trụ khác?”

Tỳ-kheo Ca-ma đáp rằng:

“Này Ma-ha-nam, Học trụ khác, Như Lai trụ khác. Ma-ha-nam, Học trụ là do đoạn trừ năm triền cái mà an trú nhiều⁴³. Như Lai trụ đối với năm triền cái đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt

³³. Học trụ 學 住； Pāli: sekhavīhāra.

³⁴. Vô học trụ 無 學 住； Pāli: asekhavīhāra.

³⁵. Như Lai trụ 如 來 住； Pāli: tathāgatavīhāra.

³⁶. Hiện pháp lạc trụ 現 法 樂 住； Pāli: dīṭṭhadhammasukhavīhāra.

³⁷. Pāli, S.54.12. Kaṅkheyya.

³⁸. Ca-tỳ-la-việt Ni-câu-luật thọ viên迦毘羅越尼拘律壽園. Pāli: Kapilavatthusmīmāṇigrodhārāme.

³⁹. Thích thị Ma-ha-nam 釋 氏 摩訶 男. Pāli: Mahānāmo sakko.

⁴⁰. Ca-ma Tỳ-kheo迦摩比丘. BẢN Pāli: āyasmā Lokasakambhiyo.

⁴¹. Học trụ 學 住. Pāli: sekhavīhāra.

⁴². Xem cht.35, kinh 807.

⁴³. Pāli: bhikkhū sekhā... te pañca nivaraṇe pahāya viharanti, các Tỳ-kheo hữu học an trú sau khi đoạn trừ năm triền cái.

đầu cây đa-la, làm cho không còn sanh trưởng nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh.

“Một thời, Thế Tôn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la⁴⁴. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ‘Ta muốn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la này thiền tọa trong vòng hai tháng⁴⁵, Tỳ-kheo các ông chờ tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và lúc bố-tát, nói đầy đủ như trước... cho đến Vô học hiện pháp lạc trụ.’ Nay Ma-ha-nam, vì vậy cho nên biết, Học trụ khác, Như Lai trụ khác.”

Sau khi Ma-ha-nam thuộc dòng họ Thích nghe những gì Tỳ-kheo Ca-ma đã nói, hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 809. KIM CƯƠNG⁴⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cương⁴⁷. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán rằng:

“Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán; tu tập bất tịnh quán nhiều thì sẽ được quả lớn, phước lợi lớn.”

Các Tỳ-kheo sau khi đã tu tập bất tịnh quán rồi, đều rất chán sợ thân này, hoặc dùng đao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự vẫn, hoặc lao đầu vào vách núi tự sát, hoặc nhờ Tỳ-kheo khác giết.

Có Tỳ-kheo kia sanh lòng cực kỳ nhảm chán sự bất tịnh xấu xa⁴⁸, nên đến chỗ con Phạm chí Lộc Lâm⁴⁹ nói với người con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

⁴⁴. Xem kinh 807.

⁴⁵. Xem cht.27, kinh 807 trên.

⁴⁶. Pāli, S. 54.9. Vesāli. Tham chiếu, Tứ phần quyển 2, Tăng kỳ quyển 4, Ngũ phần quyển 2; Mahavagga iii.68.

⁴⁷. Kim cương tụ lạc Bạt-cầu-ma hà trắc Tát-la-lê lâm 金剛聚落跋求摩河側薩梨林. Bản Pāli: Vesāliyaṃ... Mahāvane Kūṭagāraālāyām.

⁴⁸. Hán: bất tịnh ác lộ 不淨惡露. Pāli: asubha.

⁴⁹. Lộc Lâm phạm chí tử 鹿林梵志子. Tứ phần: Vật-lực-già Nan-dê 物力伽難提. Thập tụng: Lộc Trượng phạm chí 鹿杖梵志. Pāli: Miga-lañḍika samaṇakuttaka. Bản Hán đọc puttaka (con trai) thay vì kuttaka (kẻ giả trang).

“Hiền thủ! Người làm ơn giết tôi, y bát xin tặng lại ông.”

Bấy, người con Phạm chí Lộc Lâm liền giết Tỳ-kheo này, rồi mang dao đến bờ sông Bạt-cầu-ma⁵⁰ để rửa. Lúc ấy, có Ma thiên ở giữa hư không, khen ngợi con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền thủ, ông được vô lượng công đức, có thể khiến cho Sa-môn Thích tử trì giới có đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ông.”

Sau khi con Phạm chí Lộc Lâm nghe những lời khen ngợi này rồi, thì ác tà kiến tăng thêm, tự nghĩ: ‘Hôm nay ta đã thật sự tạo ra phước đức lớn, khiến cho Sa-môn Thích tử, người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ta.’ Nghĩ xong tay cầm dao bén đi đến các phòng xá, những nơi kinh hành, phòng riêng, phòng Thiên, gặp các Tỳ-kheo nói như vầy:

“Những Tỳ-kheo nào trì giới có đức, ai chưa được độ ta có thể độ cho, ai chưa thoát sẽ khiến cho thoát, ai chưa yên nghỉ sẽ khiến được yên nghỉ, chưa Niết-bàn sẽ khiến được Niết-bàn.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đang chán sợ thân này, đều ra khỏi phòng nói với con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

“Tôi chưa được độ, ông nên độ tôi; tôi chưa được thoát, ông nên giải thoát tôi; tôi chưa được yên nghỉ, ông nên khiến cho tôi được yên nghỉ; tôi chưa được Niết-bàn, ông nên khiến cho tôi được Niết-bàn.” Bấy giờ con Phạm chí Lộc Lâm liền dùng dao bén giết Tỳ-kheo này và lần lượt, giết chết cho đến sáu mươi người.

Bấy giờ, đến ngày mười lăm, lúc thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước đại chúng, bảo Tôn giả A-nan:

“Vì lý do gì mà các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết như vậy?”

A-nan bạch Phật rằng:

“Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo nói về tu bất tịnh quán, khen ngợi

⁵⁰. Bạt-cầu-ma hà 跋 求 摩 河. Pāli: Vaggumudā.

bất tịnh quán. Khi các Tỳ-kheo tu tập bất tịnh quán, đâm ra chán sợ thân này, nói đầy đủ... cho đến giết hại sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, vì lý do này nên khiến cho các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết. Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng pháp khác, để cho các Tỳ-kheo sau khi nghe xong tinh cần tu tập trí tuệ, an lạc mà tiếp thọ Chánh pháp; an vui sống trong Chánh pháp."

Phật bảo A-nan:

"Vì vậy, nay Ta sẽ lần lượt nói về sự an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều nhanh chóng lảng xuống. Như trời mưa lớn, những thứ bụi bặm đã khởi lên hay chưa khởi lên đều khiến cho chúng lảng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tu tập an trụ nơi vi tế trụ, có thể khiến các pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lảng xuống.

"Này A-nan, thế nào là an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lảng xuống? Đó là an trụ vào An-na-ban-na niệm."

A-nan bạch Phật:

"Thế nào là tu tập an trụ vào An-na-ban-na niệm, theo đó mà khai mở giác, thì những pháp ác bất thiện dù đã khởi hay chưa khởi lên cũng có khả năng khiến chúng dừng lại?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo, nương vào làng xóm mà ở, như đã nói đầy đủ ở trước... cho đến khéo học như quán diệt khi niệm hơi thở ra."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 810. A-NAN⁵¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cương. Bấy giờ giờ Tôn giả A-nan ở một mình nơi vắng, thiền quán tư duy, tự nghĩ như vầy: 'Có một pháp nào được tu tập, tu

^{51.} Pāli, S. 54. 13-14. Ānanda.

tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, thì bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, thì hai pháp đầy đủ?”

Sau khi từ thiền tịnh tĩnh giắc, Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Khi con ở một mình nơi chỗ vắng, thiền quán tư duy tự nghĩ: ‘Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, thì bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, thì hai pháp đầy đủ?’.”

Phật bảo A-nan:

“Có một pháp được tu tập, tu tập nhiều,... cho đến hai pháp đầy đủ. Những gì là một pháp? Đó là An-na-ban-na niệm, được tu tập, tu tập nhiều, có khả năng làm cho bốn Niệm xứ đầy đủ. Bốn Niệm xứ đã đầy đủ rồi, bảy Giác phần đầy đủ. Bảy Giác phần đã đầy đủ rồi, minh và giải thoát⁵² đầy đủ.

“Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, thì bốn Niệm xứ đầy đủ? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở... cho đến khéo học quán diệt khi niệm hơi thở ra.

“Này A-nan, như vậy Thánh đệ tử, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Hoặc dài hoặc ngắn. Giác tri tất cả thân hành, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Thân hành an tịnh khi niệm hơi thở vào, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở vào; thân hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trú chánh niệm quán thân trên thân. Nếu khác với thân⁵³, kia cũng như vậy, tùy theo thân tương tự tư duy.

“Nếu có lúc Thánh đệ tử giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành, giác tri tâm hành an tịnh, khi niệm hơi thở vào, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở vào; tâm hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trú chánh

⁵². Minh giải thoát 明解脫. Pāli: vijjāvimutti.

⁵³. Hán: dì ư thân 異於身. Pāli: kāyantarāhaṃ ānanda etam vadāmi yadidaṃ assāsa passāsaṃ, tùy thuộc một (trong hai) thân, ta nói cái đó là hơi thở ra, hơi thở vào.

niệm quán thọ trên thọ. Nếu khác với thọ thì kia cũng tùy theo thọ tương tự tư duy⁵⁴.

“Nếu có khi Thánh đệ tử giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, tâm định, tâm giải thoát, khi niệm hơi thở vào, học như tâm giải thoát niệm hơi thở vào. Tâm giải thoát khi niệm hơi thở ra, học như tâm giải thoát niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trú chánh niệm quán tâm nơi tâm. Nếu có tâm khác, kia cũng tùy theo tâm tương tự tư duy.

“Nếu có khi Thánh đệ tử quán vô thường, đoạn, vô dục, diệt, học an trú quán như vô thường, đoạn, vô dục, diệt. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trú chánh niệm quán pháp trên pháp. Nếu có pháp khác, kia cũng tùy theo pháp tương tự tư duy. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm, thì bốn Niệm xứ đầy đủ.”

A-nan bạch Phật:

“Khi tu tập An-na-ban-na niệm như vậy, khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ. Thế nào là tu bốn Niệm xứ làm cho bảy Giác phần đầy đủ?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo an trú chánh niệm quán thân trên thân. Sau an trú với chánh niệm, cột niệm trụ yên không cho mất, bấy giờ, phương tiện tu Niệm giác phần. Khi đã tu niệm giác phần rồi, niệm giác phần được đầy đủ. Khi niệm giác phần đã đầy đủ rồi, đối với pháp mà tuyển trạch, tư lường; bấy giờ phương tiện tu Trạch pháp giác phần. Khi đã tu trạch pháp giác phần rồi, trạch pháp giác phần được đầy đủ. Sau khi đối với pháp đã tuyển trạch, phân biệt, tư lường rồi, phương tiện tinh cần sẽ đạt được, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Tinh tấn giác phần. Khi đã tu tinh tấn giác phần rồi, tinh tấn giác phần được đầy đủ. Sau khi phương tiện tinh tấn, tâm được hoan hỷ, lúc bấy giờ phương tiện tu Hỷ giác phần. Khi đã tu hỷ giác phần rồi, hỷ giác phần được đầy đủ. Khi đã có hoan hỷ rồi, thân tâm khinh an, lúc bấy giờ phương tiện tu Khinh an giác phần. Khi đã tu khinh an phần rồi, khinh an giác phần được đầy đủ. Sau khi thân tâm an lạc rồi đạt được tam-muội, lúc bấy giờ tu định

⁵⁴. Hán: dì thọ... tùy thọ (nguyên bản: *thân*) từ tư duy 異受 ... 隨受 比思惟 .
Pāli: vedanāññatarāhaṃ ānanda etam vadāmi yadidaṃ assāsa passāsaṃ sādhukam manasikarṇ, tùy theo một thọ, ta nói cái này là hơi thở ra, hơi thở vào được khéo léo tác ý.

giác phần. Sau khi đã tu Định giác phần rồi, định giác phần được đầy đủ. Khi định giác phần đã đầy đủ rồi, tham ưu thế gian bị diệt, đạt được xả bình đẳng, lúc bấy giờ phương tiện tu Xả giác phần. Sau khi đã tu xả giác phần rồi, xả giác phần được đầy đủ. Đối với thọ, tâm, pháp trên pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Đó gọi là tu bốn Niệm xứ thì bảy Giác phần sẽ đầy đủ.”

A-nan bạch Phật:

“Đó gọi là tu bốn Niệm xứ, bảy Giác phần sẽ đầy đủ. Thế nào là khi tu bảy Giác phần thì minh và giải thoát sẽ đầy đủ?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Sau khi đã tu niệm giác phần rồi, minh giải thoát sẽ đầy đủ... cho đến khi tu xả giác phần y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, khi đã tu xả giác phần rồi, minh giải thoát sẽ đầy đủ.

“A-nan, đó gọi là mọi pháp đều tùy thuộc vào nhau, mọi pháp đều ảnh hưởng lẫn nhau. Mười ba pháp như vậy, một pháp làm tăng thượng, một pháp là cửa ngõ, theo thứ lớp tiến lên, tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 811–812. TỲ-KHEO

Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi và Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên.⁵⁵

**

KINH 813. KIM-TỲ-LA⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Kim-tỳ, tụ lạc Kim-tỳ-la⁵⁷. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Kim-tỳ-la:

^{55.} Tóm tắt có hai kinh.

^{56.} Pāli, S. 54.10. Kimila.

^{57.} Kim-tỳ-la tụ lạc Kim-tỳ lâm 金毘羅聚落金毘林. Pāli: Kimilāyaṇa viharati veļuvane.

“Nay Ta sē nói về sự tinh tấn tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sē vì ông mà nói.”

Đức Thế Tôn lập lại ba lần như vậy, trong khi Tôn giả Kim-tỳ-la⁵⁸ vẫn ngồi im lặng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Kim-tỳ-la:

“Nay Đại Sư nhắc bảo thầy.”

Ba lần như vậy.

Tôn giả Kim-tỳ-la nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi đã biết, Tôn giả A-nan! Tôi đã biết, Tôn giả Cù-dàm⁵⁹!”

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, thật đúng lúc. Bạch Thế Tôn, đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, xin vì các Tỳ-kheo nói về tu tập tinh tấn bốn Niệm xứ. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sē phụng hành.”

Phật bảo A-nan:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sē vì các ông mà nói.

“Tỳ-kheo, nếu lúc niệm hơi thở vào, học như hơi thở vào;... cho đến lúc diệt niệm hơi thở ra thì, nên học như diệt niệm hơi thở ra.

“Bấy giờ Thánh đệ tử khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào;... cho đến thân hành tĩnh chỉ khi niệm hơi thở ra, học như thân hành tĩnh chỉ hơi thở ra.

“Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân rồi, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Thí như, có người cõi xe từ phương Đông lắc lư mà đến, lúc bấy giờ có giãm đạp lên gò nồng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử lúc niệm hơi thở và học như niệm hơi thở vào. Cũng vậy,... cho đến khéo tư duy bên trong. Nếu bấy giờ Thánh đệ tử giác tri hỷ,... cho đến, học giác tri ý hành tĩnh chỉ, Thánh

⁵⁸. Kim-tỳ-la 金毘羅. Pāli: Kimila, tức Kimbila.

⁵⁹. Cù-dàm, dây chỉ A-nan, gọi theo dòng họ.

đệ tử an trụ chánh niệm quán thọ nơi thọ; khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ rồi, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy.

“Thí như, có người cõi xe từ phương Nam đi xe lại. Thế nào A-nan, nó có giẫm đạp lên gò nồng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử khi an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ, biết khéo tư duy bên trong. Thánh đệ tử giác tri tâm, tâm hân hoan, tâm định, tâm giải thoát khi hơi thở và học như tâm giải thoát hơi thở vào; tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

“Đệ tử bậc Thánh lúc này sống quán niêm tâm trên tâm; khi đệ tử bậc Thánh đã sống quán niêm tâm trên tâm như vậy rồi, biết khéo tư duy bên trong.

“Thí như, có người đi xe từ phương Tây lại, có giẫm đạp lên gò nồng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh giác tri tâm... cho đến tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

“Cũng vậy, Thánh đệ tử bấy giờ an trụ chánh niệm quán tâm trên tâm, biết khéo tư duy bên trong.

Khéo ở nơi thân, thọ, tâm mà diệt bỏ tham ưu, bấy giờ, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Sau khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp như vậy rồi, biết khéo tư duy bên trong.

“Này A-nan, thí như nơi ngã tư đường có ụ mô đất, có người cõi xe từ phương Bắc đi xe lại, có giẫm đạp lên ụ mô đất không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp, biết khéo tư duy bên trong.

“Này A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo phương tiện tinh tấn tu bốn Niệm xứ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 814. BẤT BÌ⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu An-na-ban-na niệm. An-na-ban-na niệm được tu tập, tu tập nhiều rồi, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm⁶¹.

“Thế nào là tu An-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm?

“Tỳ-kheo khi nương vào làng xóm mà ở... cho đến quán diệt lúc hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là khi tu An-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm được quả lớn, phước lợi lớn.

“Tỳ-kheo muốn cầu ly dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú Sơ thiền; Tỳ-kheo ấy nên tu An-na-ban-na niệm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm được quả lớn, phước lợi lớn.

“Tỳ-kheo muốn cầu đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; ba kết hoàn toàn hết, đắc quả Tu-dà-hoàn; ba kết đã hết, tham, nhuế, si đã mỏng, đắc quả Tư-dà-hàm; năm hạ phần kết sử đã hết, đắc quả A-na-hàm; đạt được vô lượng sức thần thông, Thiên

⁶⁰. Không mệt nhọc. Pāli, S. 54.8. Dīpa.

⁶¹. Pāli: neva kāyo kīlamati na cakkhūni anupādāya ca me āsavehi cittam vimuccati, thân không mệt mỏi, mắt cũng không; Ta, sau khi không còn chấp thủ, tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí và Lậu tận trí; Tỳ-kheo ấy nên tu An-na-ban-na niêm. Như vậy, tu An-na-ban-na niêm, được quả lớn, phước lợi lớn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 815. BỐ-TÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật hạ an cư ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ số đông các Thượng tọa Thanh văn, an cư ở chung quanh Thế Tôn, hoặc dưới gốc cây, hoặc trong hang động.

Khi ấy, có số đông các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì các Tỳ-kheo trẻ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà đi.

Các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ dưới chân Thượng tọa, rồi ngồi một bên. Khi ấy các Tỳ-kheo Thượng tọa suy nghĩ như vầy: ‘Chúng ta nên nghiệp thọ các Tỳ-kheo trẻ này. Hoặc một người nhận một người; hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.’ Sau khi nghĩ như vậy xong liền nghiệp thọ hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba, hay nhiều người; hoặc có Thượng tọa... cho đến nhận sáu mươi người.

Bấy giờ là ngày mười lăm, lúc bố-tát, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi ở trước đại chúng. Sau khi Đức Thế Tôn quán sát các Tỳ-kheo xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hôm nay Ta rất hoan hỷ vì các Tỳ-kheo đã làm những việc chính đáng. Cho nên Tỳ-kheo phải nỗ lực tinh tấn.”

Ở tại Xá-vệ, sau khi tháng Ca-đê⁶² đã mãn, các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nghe rằng: ‘Đức Thế Tôn an cư ở nước Xá-vệ, tháng

⁶². Ca-đê nguyệt 過 低 月, Pāli: kaṭṭika, thường chỉ tháng sau ngày giải chế an cư.

Ca-đê đã mãn, may y đã xong, đắp y mang bát đang du hành trong nhân gian ở nước Xá-vệ.' Các Tỳ-kheo đi dần đến nước Xá-vệ, sau khi cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo du hành nhân gian nói pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi các Tỳ-kheo du hành nhân gian nghe Phật nói pháp, đều hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà đi. Họ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa nghĩ như vậy: 'Chúng ta nên nghiệp thọ các Tỳ-kheo du hành nhân gian này. Hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.' Sau đó liền nghiệp thọ, hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba,... cho đến nhận sáu mươi người. Có Tỳ-kheo Thượng tọa nhận các Tỳ-kheo du hành nhân gian giáo giới, giáo thọ, làm khéo biết thứ lớp trước sau.

Bấy giờ, ngày mười lăm, ngày bố-tát, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng, sau khi quán sát chúng Tỳ-kheo, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo, Ta rất hoan hỷ vì các ông đã làm những việc chính đáng. Các Tỳ-kheo, chư Phật quá khứ, cũng có chúng Tỳ-kheo mà sở hành chính đáng, như chúng hiện tại này vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ có chúng và cũng sẽ có những sở hành chính đáng như vậy, như chúng hiện tại này vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo Trưởng lão trong chúng hiện tại này, có vị đã đắc và an trú đầy đủ Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, đắc Tu-dà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh hết khổ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, tham, thuế, si mỏng, đắc Tứ-dà-hàm. Có Tỳ-kheo năm hạ phần kết đã hết, đắc A-na-hàm, Sanh Bát-niết-bàn, không tái sanh vào cõi đời này nữa. Có Tỳ-kheo đắc cảnh giới Vô lượng thần thông Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí. Có Tỳ-kheo tu quán bất tịnh để đoạn tham dục, tu tâm từ để đoạn sân nhuế, tu vô thường để đoạn ngã mạn,

tu An-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng.

“Thế nào là tu An-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở... cho đến quán diệt khi hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm để đoạn trừ giác tưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 816. HỌC (I)⁶³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học⁶⁴, tăng thượng Tuệ học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Người đầy đủ ba học,
 Là Tỳ-kheo chánh hạnh;
 Tăng thượng giới, tâm, tuệ,
 Nỗ lực siêng ba pháp.
 Dũng mãnh, thành trì vững,
 Luôn giữ gìn các căn.
 Ngày cũng như ban đêm,
 Ban đêm cũng như ngày.
 Trước lại cũng như sau,
 Sau lại cũng như trước;
 Như trên cũng như dưới,*

⁶³. Án Thuận Hội Biên, “15. Tương ưng học,” gồm ba mươi hai kinh, số 1104-1135 (Đại Chánh, kinh 816-832). Không có tương đương Saṃyutta Pāli; phần lớn tương đương Aṅguttara. 3. Quốc Dịch, quyển 26, “7. Tương ưng học,” kinh số 12577-12608 (qua một phần quyển 27), chia làm hai phẩm, phẩm 1, kinh 12577-12593, phẩm 2, kinh 12594-12608. –Đại Chánh, quyển 29, kinh 816. Pāli, A. 3.89. Sikkhā.

⁶⁴. Tăng thượng ý 增 意, tức tăng thượng tâm, chỉ định học. Pāli: adhicitta.